

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM
BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 422/19/CBTT-DBT
Về việc CBTT Báo cáo thường niên
năm 2018

TP. Bến Tre, ngày 19 tháng 4 năm 2019

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

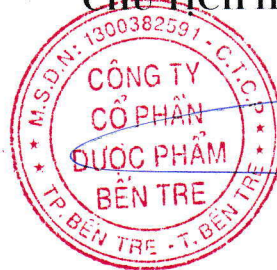
1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
2. Mã chứng khoán: DBT
3. Địa chỉ trụ sở chính: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4. Văn phòng đại diện tại TPHCM: số 11, đường Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP HCM.
5. Điện thoại: 028 3622 0205.
6. Người được ủy quyền công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Cấp Tiến.
7. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2018.
(Đính kèm toàn văn Báo cáo thường niên năm 2018)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TK HĐQT.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty
CHỦ TỊCH HĐQT QUẢN TRỊ



PHẠM THỨ TRIỆU



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ : Số 6A3, Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
Điện thoại : (0275) 390 0059
Fax : (0275) 382 7467
Email : bepharco.vietnam@bepharco.com
Website : <http://bepharco.com>



2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE



MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	01	BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	57
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	23	QUẢN TRỊ CÔNG TY	63
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	45	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	71

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

• Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
• Tên viết tắt	BEPHARCO
• Tên Tiếng Anh	Bentre Pharmaceuticals Joint – Stock Company
• Mã cổ phiếu	DBT
• Vốn điều lệ	123.144.940.000 đồng
• Vốn chủ sở hữu	239.753.752.359 đồng
• Trụ sở chính	Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
• Điện thoại	(0275) 390 0059
• Fax	(0275) 382 7467
• Email	bepharco.vietnam@bepharco.com
• Website	http://bepharco.com
• Đăng ký DN	Số 1300382591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 05/07/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 18/12/2018

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1983

Năm 1983, Xí nghiệp Liên hợp Dược Bến Tre được thành lập trên cơ sở hợp nhất hai doanh nghiệp là Công ty Dược phẩm tỉnh Bến Tre (được thành lập năm 1976) và Xí nghiệp Dược phẩm Bến Tre (được thành lập năm 1978)

1992

Năm 1992, Xí nghiệp Liên hợp Dược Bến Tre được đổi tên thành Công ty Dược & Vật tư Y tế - Bepharco theo Quyết định số 987/QĐ-UB ngày 01/12/1992 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre. Khi đó Công ty Dược & Vật tư Y tế - Bepharco chỉ có số vốn kinh doanh ban đầu là 5,59 tỷ đồng và có nhiệm vụ kinh doanh chủ yếu là sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế

2004

Công ty Dược & Vật tư Y tế Bến Tre - Bepharco chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần. Vốn điều lệ của Công ty lúc cổ phần hoá là 20 tỷ đồng (tương đương 2 triệu cổ phần), trong đó, nhà nước chiếm cổ phần chi phối (51% vốn) bằng việc sở hữu 1,02 triệu cổ phần

2007

Công ty phát hành thêm 1 triệu cổ phần (mệnh giá 10.000đ/cổ phần) theo giấy phép phát hành số 159/UBCK-GCN do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 30/08/2007

2009

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (Bepharco) chính thức được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là DBT (theo quyết định niêm yết số 657/QĐ-SGDHN do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ký ngày 13/10/2009)

Giảm tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà nước từ 51% xuống còn 34%

2013

Tăng vốn điều lệ lên 69,9 tỷ đồng từ việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu. Tháng 12/2014: Cổ đông Nhà nước và các cổ đông lớn khác thực hiện thoái vốn tại DBT

2014

Tăng vốn điều lệ lên 76.998.080.000 đồng từ việc phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức lần 2 năm 2014

2015

Công ty huy động vốn bằng việc phát hành thêm 4.614.686 cổ phiếu. Số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

2016

Hoàn tất việc đầu tư vào 02 Công ty con là Biopharco và Ypharco, đưa 02 nhóm hàng mới vào Công ty triển khai phân phối độc quyền 02 nhóm hàng của Công ty con theo định hướng phát triển lâu dài của Công ty trong chuỗi giá trị ngành dược, bao gồm nhóm đông dược và sinh phẩm. Tiếp tục mục tiêu đầu tư mở rộng phát triển chuỗi giá trị ngành dược chiều sâu và rộng, cũng như tăng cường hợp tác sản xuất, kinh doanh với các đối tác nước ngoài

2017

Từng bước củng cố và mở rộng thị trường 2 nhóm hàng của 02 Công ty con, chính thức triển khai phân phối độc quyền 02 nhóm hàng này theo định hướng phát triển lâu dài của Công ty trong chuỗi giá trị ngành dược; Tiếp tục mục tiêu đầu tư mở rộng phát triển chuỗi giá trị ngành dược chiều sâu và rộng, cũng như tăng cường hợp tác sản xuất, kinh doanh với các đối tác nước ngoài

2018

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



- Huân chương lao động hạng 3 năm 1987 - Chủ tịch nước;
- Huân chương lao động hạng 2 năm 1992 - Chủ tịch nước;
- Huân chương lao động hạng 1 năm 1997 - Chủ tịch nước;
- Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2005, 2008 - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Doanh nghiệp Việt Nam uy tín - chất lượng (Trust brand) năm 2006, 2007, 2008 - Báo Thông tin thương mại (Bộ thương mại) - Vietnaminterprise;
- Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2006, 2008 - UBND tỉnh Bến Tre;
- Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2006 - Chính phủ;
- Đơn vị xuất sắc nhất trong phong trào “Xanh, sạch, đẹp. Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động” năm 2005 - Tổng LĐLĐ Việt Nam;
- Đơn vị đạt giải nhì khối thi đua năm 2010 - UBND tỉnh Bến Tre; Bằng khen của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam - Với thành tích đã thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT năm 2015 và 2016;
- Giấy khen của Chủ tịch UBND TP Bến Tre với thành tích tích cực hỗ trợ, giúp đỡ cho người nghèo trên địa bàn TP Bến Tre năm 2013;
- Được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tôn vinh là một trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất HNX năm 2015 - 2016;
- Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2017;



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh thuốc trị bệnh cho người, thực phẩm chức năng (thực phẩm dinh dưỡng);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng: thuốc thành phẩm, bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học;
- Kinh doanh các loại máy móc, trang thiết bị y tế;
- Sản xuất, mua bán nước uống đóng chai, thùng;
- Cho thuê mặt bằng, kho bãi.



Địa bàn kinh doanh

Sản phẩm chủ lực của Công ty là thuốc thành phẩm. Mạng lưới phân phối của DBT trải rộng trên toàn quốc, với 63 tỉnh thành. Địa bàn phân phối được phân vùng quản lý.

Địa bàn trong tỉnh: Với đầu mỗi phân phối là phòng kinh doanh, phân phối sản phẩm đến hơn 1.300 đối tượng khách hàng. Tham gia bán lẻ tại các cửa hàng trực thuộc hiệu thuốc (kể cả các cửa hàng trong bệnh viện).



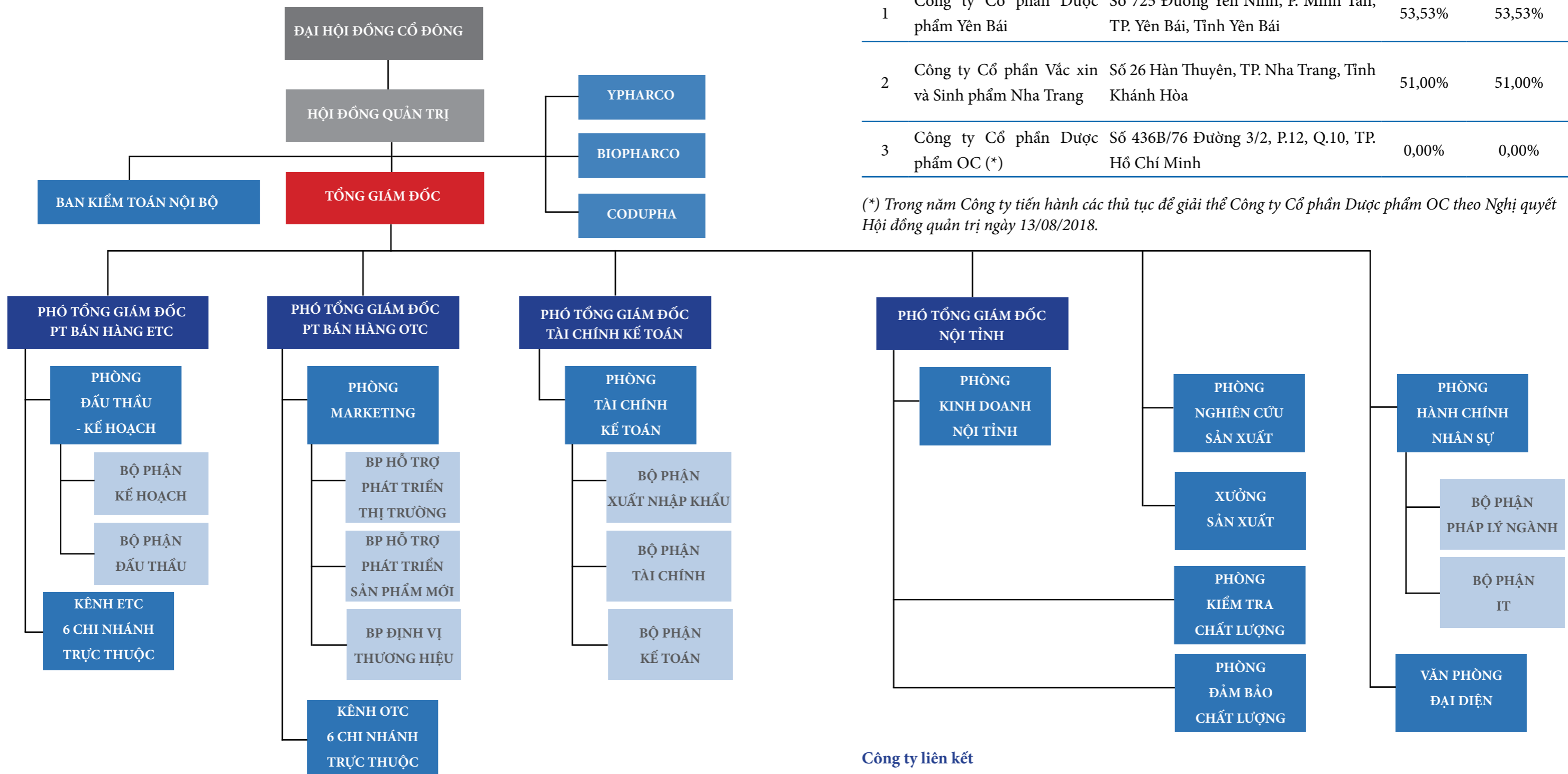
Địa bàn ngoài tỉnh: gồm Văn phòng đại diện và 6 chi nhánh trực thuộc, phụ trách phân phối thuốc đến gần 8000 đối tượng khách hàng.

- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh: phân phối trên địa bàn 11 tỉnh, gồm TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Long An, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Vũng Tàu, Bình Thuận, Đắk Nông, Lâm Đồng.
- Chi nhánh Hà Nội: phân phối trên địa bàn 20 tỉnh, gồm Hà Nội, Bắc Giang, Hải Dương, Hải Phòng, Lào Cai, Phú Thọ, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Ninh, Hưng Yên, Sơn La, Vĩnh Phúc, Yên Bái, Hà Giang, Điện Biên, Bắc Kạn, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Lai Châu, Cao Bằng.
- Chi nhánh Đà Nẵng: phân phối trên địa bàn 8 tỉnh, gồm Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An.
- Chi nhánh Cần Thơ: phân phối trên địa bàn 10 tỉnh, gồm Cần Thơ, An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long.
- Chi nhánh Khánh Hòa: phân phối trên địa bàn 7 tỉnh gồm Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum, Ninh Thuận.
- Chi nhánh Ninh Bình: phân phối trên địa bàn 6 tỉnh, gồm Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa, Hà Nam, Hòa Bình.

**Mạng lưới phủ khắp
63 tỉnh thành**



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Công ty con

STT	Thông tin	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Số 725 Đường Yên Ninh, P. Minh Tân, TP. Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	53,53%	53,53%
2	Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Số 26 Hàn Thuyên, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	51,00%	51,00%
3	Công ty Cổ phần Dược phẩm OC (*)	Số 436B/76 Đường 3/2, P.12, Q.10, TP. Hồ Chí Minh	0,00%	0,00%

(*) Trong năm Công ty tiến hành các thủ tục để giải thể Công ty Cổ phần Dược phẩm OC theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 13/08/2018.

Công ty liên kết

STT	Thông tin	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
01	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Số 334 Đường Tô Hiến Thành, P. 14, Q. 10, TP Hồ Chí Minh	23,14%	23,14%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

↗ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tiếp tục phát triển với mục tiêu “CHẤT LƯỢNG – AN TOÀN – HIỆU QUẢ”
- Tăng cường công tác đầu tư vào các doanh nghiệp trong ngành có chuỗi cung ứng đảm bảo nhằm đa dạng hoá các sản phẩm của Bepharco.
- Cải tiến các sản phẩm cho phù hợp với thị trường. Nghiên cứu cho ra những sản phẩm mới có chất lượng và đảm bảo sức khỏe cho mọi người.
- Xây dựng một đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao và chuyên nghiệp. Giữ vững ổn định mạng lưới bán lẻ trong nhiều tỉnh nhằm đến gần người tiêu dùng hơn với mục tiêu trở thành nhà phân phối lớn và uy tín. Bên cạnh đó, phải kiểm soát tốt chi phí để xây dựng cơ cấu giá thành hợp lý, tăng sức mạnh cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.
- Tập trung phát triển các nhóm hàng sản xuất trong nước, để tăng tỷ trọng các nhóm hàng này, tạo sự cân bằng trong cơ cấu các nhóm hàng kinh doanh và mở rộng hợp tác với các đối tác nước ngoài nhằm đa dạng nguồn hàng, tăng lợi thế cạnh tranh trong kinh doanh.



↗ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Trẻ hoá đội ngũ cán bộ lãnh đạo có năng lực quản lý tốt, có tài có đức và yêu nghề. Tuyển dụng, đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề, nắm vững và thực hành tốt các tiêu chuẩn quốc tế về ngành dược.
- Có chính sách lương, thưởng hợp lý góp phần thu hút và giữ nhân tài, kích thích sáng tạo ý tưởng mới nhằm đẩy mạnh hiệu quả kinh doanh, tiết kiệm chi phí,... mở rộng thị phần và tăng lợi nhuận cho Công ty.
- Tìm kiếm thêm đối tác chiến lược trong và ngoài nước. Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Nâng cao giá trị thương hiệu thông qua việc mở rộng thị phần trong nước, tận dụng và khai thác lợi thế của các hệ thống phân phối. Tối thiểu hoá chi phí bằng việc tận dụng nguồn lực sẵn có về công nghệ, nhân công, thị trường để sản xuất những sản phẩm thuốc có giá thành rẻ nhưng vẫn đảm bảo được chất lượng nhằm phục vụ cho những khách hàng bình dân.
- Tập trung vào mục tiêu hướng đến thị trường tiềm năng của những thuốc chuyên khoa đặc trị có giá trị cao, thực phẩm chức năng, thiết bị y tế để phục vụ trực tiếp trong các cơ sở điều trị.
- Cơ sở vật chất phải được đảm bảo đáp ứng tốt nhất cho dự trữ, bảo quản và phân phối theo các tiêu chuẩn của ngành dược, nhằm mục đích thực hiện việc phân phối một cách chuyên nghiệp, nhanh chóng, kịp thời và đầy đủ.
- Đảm bảo nguồn tài chính phục vụ cho các mục tiêu. Xây dựng chiến lược cạnh tranh về giá trên cơ sở đảm bảo kế hoạch lợi nhuận cho từng thời kỳ nhưng tuân thủ tiêu chí khai thác thị trường một cách lâu dài, bền vững.
- Hướng tới việc thành lập công ty con hoặc văn phòng đại diện tại nước ngoài để tăng cường cơ hội tìm kiếm các đối tác, nhà sản xuất cũng như mở rộng mạng lưới kinh doanh, phát triển thị trường nước ngoài.



➤ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Tuân thủ nghiêm ngặt về yêu cầu bảo vệ môi trường trong quá trình kinh doanh, chú trọng phòng chống cháy nổ, xử lý nguồn nước thải theo đúng tiêu chuẩn của ngành và luật pháp Việt Nam.
- Công ty luôn quan tâm công tác chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo để người lao động phát huy thể mạnh của bản thân góp phần vào sự thành công chung của DBT. Hơn thế nữa, Công ty hàng năm còn trích ra một phần lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh để thực hiện các công tác xã hội, hưởng ứng các phong trào đền ơn đáp nghĩa, quyên góp ủng hộ các hộ nghèo, gia đình gặp khó khăn, thiên tai do bão lũ gây ra,...
- Đảm bảo thực hiện tốt các quy định về an toàn vệ sinh lao động, xử lý chất thải trong sản xuất, giữ gìn môi trường xanh – sạch – đẹp theo đúng quy định chuyên ngành.
- Tham gia các hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng, tài trợ thuốc khám chữa bệnh cho người nghèo, vùng sâu, vùng xa và các hoạt động tài trợ khác cho cộng đồng.



CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, GDP năm 2018 đạt 7,08% so với năm 2017, đã vượt mức kế hoạch 6,7% và là mức tăng trưởng cao nhất trong 11 năm qua kể từ năm 2008, đồng thời tăng trưởng kinh tế đạt đồng đều trên tất cả các lĩnh vực cho thấy kinh tế Việt Nam vẫn giữ được đà tăng trưởng và ngày càng mở rộng. Sự phát triển năng động của nền kinh tế là những tín hiệu tích cực kéo theo cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp. Năm 2018, Việt Nam tham gia vào Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU dự kiến được Nghị viện Châu Âu phê chuẩn trong năm 2019, điều này sẽ đem đến cho nền kinh tế Việt Nam những ưu đãi về thuế quan, mở cửa dịch vụ, đẩy mạnh hoạt động thương mại, cơ hội tham gia sâu hơn và rộng hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu,... là những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các doanh nghiệp trong nền kinh tế hội nhập hiện nay. Ngoài ra, việc tham gia các hiệp định thương mại tự do này còn là động lực giúp doanh nghiệp Việt Nam đổi mới phương thức sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện chất lượng hàng hóa dịch vụ để bắt kịp xu hướng phát triển của thế giới.

Theo thống kê của Cục Quản lý Dược Việt Nam, ngành dược sẽ tăng trưởng tiếp tục hai con số trong vòng 5 năm tới đạt 7,7 tỷ USD vào năm 2021. Theo đó, gần 78% chuyên gia và doanh nghiệp được dự báo, tốc độ tăng trưởng toàn ngành năm 2019 sẽ đạt trên 10%. Việt Nam được xếp hạng vào nhóm những nước có ngành dược mới nổi (pharmerging)

và dân số đang bước vào giai đoạn “già hóa” nhanh nhất từ trước đến nay (theo World Bank, tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên là 6,5% năm 2017, dự kiến sẽ đạt 21% vào năm 2050), đồng nghĩa với nhu cầu về sức khỏe ngày càng tăng lên. Bên cạnh đó, thu nhập bình quân đầu người ngày càng tăng lên và trình độ dân trí được cải thiện, nhu cầu về mức sống của người dân được nâng cao, trong khi môi trường sống có nguy cơ ô nhiễm cao làm gia tăng nhiều loại bệnh tật,... là yếu tố chính ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành dược. Mặc dù ngành dược Việt Nam hiện nay đạt được một số thành tựu nhất định nhưng vẫn còn non trẻ, có nhiều tiềm năng phát triển nhưng cần được đầu tư nhiều hơn khi hơn 90% nguyên liệu sản xuất tân dược hiện nay ở Việt Nam đều phải nhập khẩu, trong đó chiếm tỷ trọng cao nhất là nguyên liệu của Trung Quốc và Ấn Độ. Trong năm 2018, giá nguyên liệu sản xuất tân dược tăng đáng kể từ 15% đến 80% do Chính phủ Trung Quốc thực hiện những chính sách cải thiện môi trường khắc khe, đóng cửa hàng loạt các nhà máy sản xuất thành phần hoạt chất dược phẩm gây ô nhiễm môi trường.

Nhìn chung, nền kinh tế phát triển, đời sống người dân ngày càng được nâng cao, nhu cầu về chăm sóc sức khỏe được chú trọng hơn là những yếu tố thúc đẩy tăng trưởng ngành. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm, đây vừa là cơ hội vừa là thách thức rất lớn đặt ra cho Công ty trong quá trình phát triển của giai đoạn sắp tới.



Rủi ro tỷ giá

Trong hoạt động kinh doanh của mình, hàng năm Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng tân dược từ nước ngoài mà phần lớn từ châu Âu (chiếm khoảng 50% doanh thu của Công ty). Giá cả nhập khẩu các mặt hàng trên có thể bị tác động bởi những biến động về tỷ giá (tỷ trọng thanh toán bằng EUR chiếm 65% tổng giá trị thanh toán). Để giảm thiểu ảnh hưởng của loại rủi ro này, Công ty đã tiến hành phân tích, đánh giá và dự báo biến động giá cả sản phẩm đầu vào, từ đó chủ động nhập khẩu và tồn trữ vào thời điểm thích nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn.

Năm 2016 và 2017, tỷ giá USD/VND rất ổn định, tuy nhiên trong năm 2018 sự tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và xu hướng tỷ giá gia tăng đã làm cho tỷ giá USD/VND tăng mạnh và giữ mức cao đến cuối năm 2018, cụ thể theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm tháng 12/2018 tỷ giá chính thức 23.165/23.255 đồng và tỷ giá tự do là 23.270/23.290 đồng. Tính chung cả năm 2018, VND đã mất giá khoảng 2,2 - 2,3% so với USD. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan tỷ giá của EUR/VND tại thời điểm cuối năm 2018 là 26.432 đồng, tăng khoảng 2% so với đầu năm, tuy nhiên, tính chung cho cả năm VND mất giá khoảng 4,5 - 6% so với cùng kỳ năm 2017. Dù đã có dấu hiệu hạ nhiệt của tỷ giá EUR/VND, USD/VND nhưng sự mất giá của VND đã bộc lộ rủi ro tỷ giá, tác động trực tiếp đến những công ty có hoạt động thương mại quốc tế, trong đó có Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre. Cụ thể, biến động về tỷ giá đã làm gia tăng chi phí bán hàng của Công ty trong năm 2018 so với cùng kỳ năm ngoái đã làm giảm đáng kể lợi nhuận sau thuế của Công ty.

Với định hướng điều hành nhằm duy trì mức giảm giá của VND ở mức hợp lý của Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tài chính uy tín dự báo tỷ giá trung tâm VND sẽ biến động ở mức xấp xỉ năm 2018, điều này có ý nghĩa kinh tế quan trọng giúp Công ty hoạch định chính sách mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh kết hợp với những biện pháp phòng ngừa rủi ro tỷ giá.



Rủi ro cạnh tranh

Việt Nam tham gia sâu vào nền kinh tế toàn cầu, cùng với việc đơn giản hóa thủ tục pháp lý tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các doanh nghiệp trong nền kinh tế sản xuất kinh doanh, nhưng cũng kéo theo một rủi ro cạnh tranh vô cùng lớn cho các doanh nghiệp. Mạng lưới hoạt động rộng lớn, đa dạng hóa cung cầu, nhiều đối thủ cạnh tranh lớn nhỏ cả trong và ngoài nước,... sẽ dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường mới nổi như Việt Nam hiện nay.

Đối với Bepharco, mặc dù hiện nay kênh phân phối của Công ty đã trải rộng khắp cả nước, tuy nhiên có rất nhiều doanh nghiệp lớn với nguồn

tài chính ổn định cũng đang chạy đua trên thị trường như: Trapharco, Dược Hậu Giang, Pymepharco, Imexpharm, Mekophar,... Trước tình hình đó, Công ty sẽ tiếp tục củng cố và duy trì mạng lưới phân phối hiện có, xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu, đảm bảo và nâng cao chất lượng sản phẩm, từng bước nâng cao uy tín với khách hàng, để cạnh tranh trực tiếp với các doanh nghiệp trong ngành.



Rủi ro sản phẩm

Dược phẩm là một loại hàng hóa đặc thù liên quan đến sức khỏe và tính mạng của con người. Những năm gần đây, ngành Dược phẩm Việt Nam đang đối mặt với việc hàng nhái, hàng kém chất lượng, làm giả nhãn mác các thương hiệu nổi tiếng xuất hiện tràn lan trên thị trường làm hoang mang cho người tiêu dùng và gây thiệt hại lớn đến uy tín, doanh số của các doanh nghiệp trong ngành. Vì vậy trong những năm tiếp theo, mục tiêu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre là tiếp tục cố gắng hoàn thiện và thực hiện nghiêm ngặt trong quy trình đóng gói, tem chống giả và bộ nhận diện thương hiệu, đảm bảo an toàn và chất lượng sử dụng cho người tiêu dùng.



Rủi ro pháp luật

Trong quá trình hội nhập với nền kinh tế thế giới, Việt Nam đã và đang thực hiện cải cách, hoàn thiện, bổ sung những quy định mới trong hệ thống pháp luật nhằm phục vụ cho sự phát triển của quốc gia, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước hoạt động ở Việt Nam.

Ngành dược là một trong những ngành nhạy cảm chịu tác động bởi sự quản lý của Nhà nước. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan như Luật Dược, Luật Thương mại, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán,... Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản pháp lý để quản lý ngành Dược bao gồm các chính sách về lĩnh vực dược, chính sách đấu thầu vào các kênh OTC, quản lý về danh mục thuốc được kiểm soát đặc biệt, tiêu chuẩn chất lượng thuốc, cơ sở kiểm nghiệm thuốc, giá bán thuốc, điều kiện kinh doanh thuốc,... Cụ thể, Nghị quyết số 59/NĐ-CP về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 06/2016 đặt mục tiêu siết chặt giá thuốc. Thay vì ủy quyền cho mỗi bệnh viện công tự tổ chức đấu thầu hoặc thu mua thuốc như trước đây, quy định đấu thầu giờ đây được phân làm 3 cấp: đấu thầu tập trung quốc gia, đấu thầu tỉnh và đấu thầu ở từng bệnh viện. Chiếm đến hơn 85% thị phần trong kênh ETC, khối bệnh viện công được xem là nơi tiêu thụ quan trọng nhất của các công ty dược phẩm. Tuy nhiên, doanh nghiệp Việt Nam dù đã đạt tiêu chuẩn về năng lực sản

xuất, nhưng vẫn khó cạnh tranh vào kênh ETC. Thời gian tới, khi thông tư mới của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc được ban hành, các tiêu chí kỹ thuật đối với từng nhóm thuốc được nâng cao, sẽ mang đến nhiều thử thách cho các công ty dược trong việc thực hiện chủ trương Chính phủ để ra nhằm thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp dược liệu quốc gia.

Bên cạnh đó trong năm 2018, Bộ Y tế ban hành một số thông tư như: Thông tư số 07/2018/TT-BYT Quy định chi tiết một số điều về kinh doanh dược của Luật Dược và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 05 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật dược; Thông tư 11/2018/TT-BYT quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Thông tư 21/2018/TT-BYT quy định về đăng ký lưu hành thuốc cổ truyền, dược liệu; Thông tư 30/2018/TT-BYT điều kiện thanh toán các thuốc hóa dược, sinh phẩm tham gia BHYT,... Những văn bản luật này yêu cầu Công ty phải thực hiện đúng những quy định về hoạt động cũng như đảm bảo an toàn về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong ngành dược.

Công ty luôn thường xuyên theo dõi, cập nhật những thay đổi mới trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để kịp thời thực hiện đúng quy định của pháp luật trong công tác quản lý và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro kể trên, những rủi ro khác như thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, dịch bệnh,...thường hiếm khi xảy ra nhưng khi xảy ra thường để lại hậu quả nghiêm trọng về tính mạng và tài sản ảnh hưởng đến sự ổn định và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty cần thường xuyên theo dõi, kiểm tra để đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy; đồng thời liên tục cập nhật tình hình thông tin về thời tiết, chính trị, xã hội để kịp thời có những biện pháp để phòng hợp lý trước những nguy cơ thiên tai, chiến tranh nhằm giảm thiểu tối đa tổn thất khi có rủi ro xảy ra.

Rủi ro về môi trường

Ngoài việc thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan đến ngành nghề kinh doanh, Công ty còn chịu sự chi phối của Luật Bảo vệ Môi trường. Những hoạt động sản xuất, kinh doanh, xử lý chất thải tránh gây ô nhiễm môi trường luôn được Công ty đặt lên hàng đầu. Là một công ty hoạt động trong ngành Dược phẩm, sứ mệnh của Bepharco mang lại sức khỏe cho cộng đồng và xã hội. Vì vậy, Công ty luôn ý thức về vấn đề bảo vệ môi trường trong sạch, lành mạnh. Chấp hành Luật Bảo vệ Môi trường là một trong ưu tiên hàng đầu của Công ty.

Rủi ro lãi suất

Vốn vay từ ngân hàng là một nguồn vốn không thể thiếu trong quá trình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng. Việc thực hiện các dự án từ khi ký kết hợp đồng, bắt đầu thực hiện cho đến khi hoàn thành thường kéo dài nhiều năm khiến nhu cầu vốn lưu động của Công ty khá lớn. Do đó Công ty thường xuyên sử dụng vốn vay ngân hàng với lãi suất thả nổi.

Theo số liệu của Viện Chiến lược ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước, hiện nay lãi suất cho vay VND ổn định ở mức 6% - 9%/năm đối với ngắn hạn, 9% - 11% đối với dài hạn, mặc dù chịu các áp lực từ việc tăng lãi suất huy động và lãi suất trên thị trường liên ngân hàng kể từ khi bước vào quý III năm 2018 nhưng với những chính sách điều hành linh hoạt, kịp thời của Ngân hàng Nhà nước, thị trường tiền tệ tiếp tục ổn định, hỗ trợ cho việc giảm mặt bằng lãi suất cho vay trong nền kinh tế.

Trong năm 2018, nợ vay ngắn hạn của Công ty đã giảm đáng kể 54,76% và không có nợ vay dài hạn kết hợp với lãi suất cho vay ổn định của thị trường giúp Công ty giảm thiểu được rủi ro về biến động lãi suất. Tuy nhiên, theo các chuyên gia tài chính, năm 2019 dự báo lãi suất sẽ tiếp tục chịu áp lực gia tăng do nhiều nguyên nhân: FED nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng lãi suất trong năm 2019, dự báo lạm phát năm 2019 có thể sẽ cao hơn năm 2018 tạo áp lực tăng lãi suất tiền gửi ngân hàng,... ngoài ra còn các yếu tố chính sách tiền tệ của các quốc gia trên thế giới đang theo hướng thắt chặt hơn, góp phần làm gia tăng lãi suất và chi phí vay mượn trong nền kinh tế. Công ty phải đối mặt với rủi ro về lãi suất mỗi khi thị trường biến động, tuy nhiên với chính sách cân đối nguồn vốn hợp lý, Công ty vẫn luôn kiểm soát được rủi ro này, đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM
- TỔ CHỨC NHÂN SỰ
- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
- TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

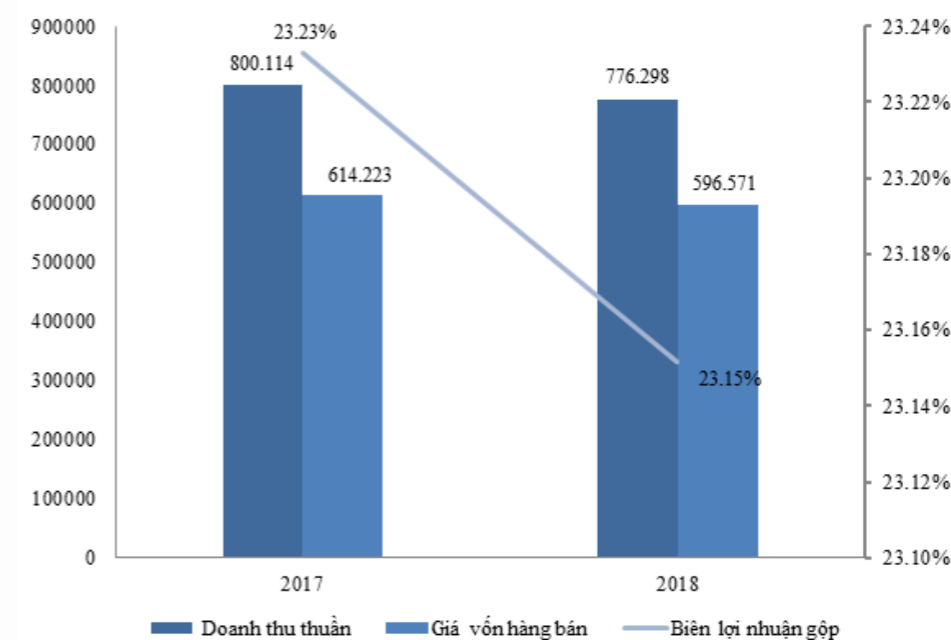
ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng/ Giảm
1	Doanh thu thuần	800.114	776.298	-2,98%
2	Giá vốn hàng bán	614.223	596.571	-2,87%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	185.890	179.727	-3,32%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	6.155	6.176	0,34%
5	Chi phí tài chính	26.900	19.297	-28,27%
	<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>11.178</i>	<i>13.210</i>	<i>18,19%</i>
6	Chi phí bán hàng	94.114	97.734	3,85%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	60.670	56.602	-6,70%
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16.919	17.891	5,74%
9	Lợi nhuận khác	17.902	8.110	-54,70%
10	Lợi nhuận trước thuế	34.822	26.002	-25,33%
11	Lợi nhuận sau thuế	28.246	21.180	-25,02%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018

Năm 2018, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có sự sụt giảm tương đối so với cùng kỳ năm 2017. Doanh thu thuần năm 2018 đạt 776 tỷ đồng, giảm 2,98% với sự sụt giảm trong hầu hết các khoản mục cơ cấu doanh thu. Bên cạnh đó, giá vốn hàng bán cũng giảm 2,87% so với cùng kỳ nguyên nhân là do tình hình khó khăn chung của ngành dược năm 2018 nên doanh thu không đạt như kỳ vọng, đồng thời giá hàng hóa đầu vào, nguyên vật liệu sản xuất gia tăng do yếu tố tỷ giá trong khi giá hàng hóa đầu ra giảm do yếu tố cạnh tranh cao. Do doanh thu không đạt như kỳ vọng nên kéo theo lợi nhuận gộp của Công ty giảm 3,32% đạt mức 179,73 tỷ đồng so với năm 2017. Biên lợi nhuận gộp của Công ty năm 2018 đạt 23,15% vẫn giữ ở mức tương đương so với năm 2017 23,23%.

Hoạt động sản xuất kinh doanh



Năm 2018, Công ty thực hiện quản lý chi phí khá tốt, chi phí bán hàng chỉ tăng 3,62 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 3,85% chủ yếu là chi phí cho nhân viên. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 4,07 tỷ đồng tương ứng giảm 6,7% so với năm 2017, với chủ trương sắp xếp cơ cấu lại nhân sự của Hội đồng quản trị làm tăng hiệu quả hoạt động và giữ hệ thống ổn định.

Doanh thu tài chính năm 2018 không có nhiều biến động so với cùng kỳ, chỉ tăng 0,34%, nguyên nhân là những khoản gia tăng trong doanh thu tài chính đến từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu ngân hàng đã bù trừ cho những khoản giảm trong cổ tức, lợi nhuận được chia và lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác. Chi phí tài chính giảm từ 26,89 tỷ đồng xuống còn 19 tỷ đồng, tương ứng giảm 28,27% so với năm 2017. Chi phí lãi vay của Công ty tăng 18,19% do biến động lãi suất gia tăng trong năm 2018 nhưng được bù đắp bởi khoản giảm các chi phí tài chính khác như giảm trong phí trả nợ trước hạn, giảm lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh và lỗ từ hoạt động mua lại công ty con đã giúp làm giảm chi phí tài chính. Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng giảm 6,7%, trong khi chi phí bán hàng tăng tương đối 3,85% so với năm 2017.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2018 vẫn đạt ở mức tăng 5,74% so với cùng kỳ nhưng do sự giảm sâu trong lợi nhuận khác đã kéo theo sự sụt giảm lợi nhuận đạt được của Công ty. Cụ thể, thu nhập khác giảm 59,75% do giảm trong lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, tiền phạt vi phạm hợp đồng, các khoản nợ không còn phải trả; chi phí khác cũng giảm 81,95% so với cùng kỳ năm 2017 do giảm chi phí phạt vi phạm hợp đồng và các chi phí khác đã kéo theo lợi nhuận khác giảm 54,7% từ 17,9 tỷ đồng xuống còn 8,11 tỷ đồng. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 26 tỷ đồng, giảm 8,82 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 25,33% và lợi nhuận sau thuế đạt 21,18 tỷ đồng giảm 25,02% so với cùng kỳ năm 2017.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

📌 Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu %/vốn điều lệ
1	Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch HĐQT	788.965	6,40%
2	Ông Võ Minh Tân	Phó Chủ tịch	30.000	0,24%
3	Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên	25.000	0,20%
4	Ông Lê Văn Minh	Thành viên	1.025.000	8,32%
5	Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	391.250	3,18%
6	Ông Lê Vinh Danh	Thành viên	0	0%
7	Ông Vũ Quang Đông	Thành viên	0	0%

(*) Tính tại thời điểm 20/03/2019

Ông Phạm Thứ Triệu – Chủ tịch HĐQT



Năm sinh: 1979
Địa chỉ thường trú: 4/19 Phạm Huy Thông, phường 7, quận Gò Vấp, TP Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Kiểm toán
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 788.965 cổ phần, chiếm 6,4%/vốn điều lệ

Ông Võ Minh Tân – Phó chủ tịch HĐQT



Năm sinh: 1969
Địa chỉ thường trú: 15 Ấp An Bình, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre
Trình độ chuyên môn: Dược sỹ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 30.000 cổ phần, chiếm 0,24%/vốn điều lệ

Ông Nguyễn Khắc Hanh – Thành viên HĐQT



Năm sinh: 1978
Địa chỉ thường trú: 23C Bùi Minh Trực, phường 6, quận 8, TP Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 25.000 cổ phần, chiếm 0,20%/vốn điều lệ

Ông Lê Văn Minh – Thành viên HĐQT



Năm sinh: 1980
Địa chỉ thường trú: Quận 5, TP Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh – Đại học Clemson – Hoa Kỳ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.025.000 cổ phần, chiếm 8,32%/vốn điều lệ

Ông Nguyễn Hoàng Sơn – Thành viên HĐQT



Năm sinh: 1965
Địa chỉ thường trú: Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 391.250 cổ phần, chiếm 3,18%/vốn điều lệ

Ông Lê Vinh Danh – Thành viên HĐQT



Năm sinh: 1963
Địa chỉ thường trú: 33/16 Đường số 9, P. Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ kinh tế, Học giả sau tiến sĩ, Giáo sư kinh tế
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0%/vốn điều lệ

Ông Vũ Quang Đông – Thành viên HĐQT



Năm sinh: 1979
Địa chỉ thường trú: Phòng 106, nhà D14, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế tài chính - Đại học Georgetown - Hoa Kỳ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0%/vốn điều lệ

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Võ Minh Tân	Tổng Giám đốc	30.000	0,24%
2	Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	0	0%
3	Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	21.354	0,17%
4	Bà Trần Thị Thanh Phượng	Phó Tổng Giám đốc	25.060	0,2%
5	Ông Triệu Văn Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	10.965	0,09%

(*) Tính tại thời điểm 20/03/2019



Ông Võ Minh Tân – Tổng Giám đốc



Xem lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Thế Quốc Uy – Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng



Năm sinh: 1984

Địa chỉ thường trú: B103, Căn hộ Quang Thái, 111B Lý Thánh Tông, phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính, ngân hàng

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Ông Hoàng Xuân An – Phó Tổng Giám đốc



Năm sinh: 1978

Địa chỉ thường trú: 42, Tổ 46, Ngõ 123, Đường Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 21.354 cổ phần, chiếm 0,17%/vốn điều lệ

Bà Trần Thị Thanh Phượng – Phó Tổng Giám đốc



Năm sinh: 1964

Địa chỉ thường trú: 275 A4, Khu phố 3, Phường Phú Khương, Tỉnh Bến Tre

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 25.060 cổ phần, chiếm 0,2%/vốn điều lệ

Ông Triệu Văn Bảo Quốc – Phó Tổng Giám đốc



Năm sinh: 1976

Địa chỉ thường trú: Ấp Phú Lộc Thượng, xã An Định, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ

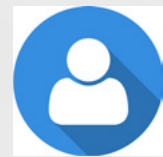
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 10.965 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ

📌 Danh sách Ban Kiểm toán nội bộ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Khắc Hanh	Trưởng ban	25.000	0,20%

(*) Tính tại thời điểm 20/03/2019

Ông Nguyễn Khắc Hanh – Trưởng ban



Xem lý lịch Hội đồng quản trị

📌 Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKTNB, BTGD trong năm 2018

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	-	01/01/2019
2	Ông Lê Phước Lễ	Phó Tổng Giám đốc	-	01/01/2019
3	Ông Nguyễn Văn Chí Cường	Kế toán trưởng	-	01/01/2019
4	Ông Nguyễn Thiện Nhân	Thường trực Ban kiểm toán nội bộ	-	01/01/2019
5	Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Thành viên Ban kiểm toán nội bộ	-	01/01/2019
6	Ông Vũ Quang Đông	Thành viên HĐQT	06/12/2018	
7	Ông Triệu Văn Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2019	
8	Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	01/01/2019	



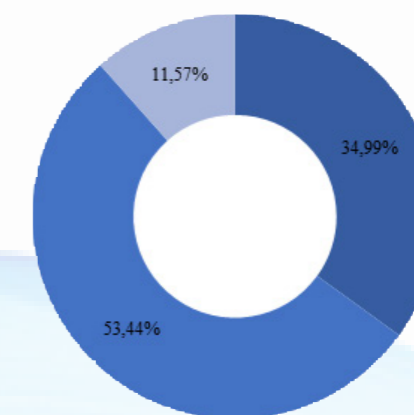
Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Phân loại theo giới tính	363	100,00%
1	Nam	169	46,56%
2	Nữ	194	53,44%
B	Theo trình độ	363	100,00%
1	Trình độ đại học, cao đẳng	127	34,99%
2	Trình độ trung cấp	194	53,44%
3	Trình độ lao động phổ thông	42	11,57%
C	Theo tính chất lao động	363	100,00%
1	Trực tiếp sản xuất	30	8,26%
2	Không trực tiếp sản xuất	333	91,74%

Theo trình độ: Trong cơ cấu lao động theo trình độ, số lượng lao động có trình độ đại học cao đẳng và trình độ trung cấp lần lượt là 34,99% và 53,44%, còn lại 11,57% là lao động phổ thông. Công ty hoạt động sản xuất và cung ứng thuốc và nguyên liệu làm thuốc, là lĩnh vực liên quan đến sức khỏe cộng đồng nên cần lượng lao động có trình độ chuyên môn cao, đảm bảo an toàn và kỹ thuật trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Phân loại theo trình độ

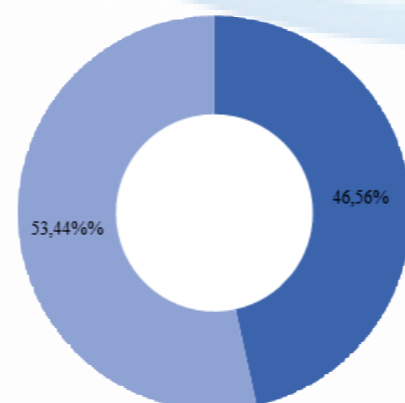
Trình độ đại học, cao đẳng | Trình độ trung cấp | Trình độ lao động phổ thông



Theo giới tính: Trong 363 lao động của Công ty có 169 lao động là nam giới tương ứng với tỷ lệ 46,56% và 194 lao động là nữ giới chiếm 53,44%. Với đặc điểm ngành hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm, với yêu cầu kỹ thuật cao, sự tỉ mỉ để đảm bảo chất lượng hàng hóa nên nguồn lao động theo giới tính của Công ty chênh lệch không lớn, đáp ứng nhu cầu linh hoạt về lao động, phù hợp với tính chất hoạt động của Công ty.

Phân loại theo giới tính

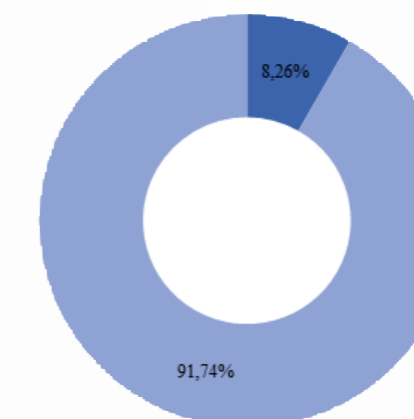
Nam | Nữ



Theo tính chất lao động: Hoạt động chủ yếu của Công ty là cung ứng thuốc và nguyên liệu làm thuốc nên lượng lao động không trực tiếp sản xuất là 333 lao động tương ứng tỷ lệ 91,74%, còn lại là 30 lao động trực tiếp tham gia sản xuất chiếm tỷ lệ 8,26%.

Phân loại theo tính chất lao động

Trực tiếp sản xuất | Không trực tiếp sản xuất



Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	4.825.799	4.790.434	5.279.879

Chính sách nhân sự

Chế độ làm việc: công ty thực hiện chế độ 08 giờ/ngày, 44 giờ/tuần.

Chính sách lương thưởng:

Công ty thực hiện chế độ tiền lương theo đúng quy chế tiền lương của công ty, đảm bảo cán bộ công nhân viên tại từng bộ phận khác nhau được hưởng thu nhập tương xứng với công việc mà mình đảm nhận. Chế độ thưởng cho cán bộ công nhân viên được Ban lãnh đạo công ty xây dựng dựa trên kết quả kinh doanh của công ty.

Các phúc lợi khác của người lao động trong công ty cũng được đảm bảo. Hằng năm, cán bộ nhân viên được tổ chức các buổi tham quan, nghỉ dưỡng, các hoạt động văn nghệ thể thao nhằm tái tạo sức lao động, đồng thời nâng cao tinh thần đoàn kết giữa nhân viên toàn công ty.

Chế độ bảo hiểm: Ban điều hành chịu trách nhiệm về việc trích nộp và thanh toán các chế độ bảo hiểm của người lao động đúng theo quy định của Nhà nước

Chính sách tuyển dụng: Là doanh nghiệp trong ngành dược, yêu cầu về trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên Công ty là rất cao. Tùy từng vị trí công việc DBT đặt ra tiêu chuẩn riêng tương ứng nhằm tìm kiếm nguồn lực phù hợp phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Đầu tư tài chính

- Thực hiện cơ cấu lại nguồn vốn thông qua việc thoái khoản đầu tư tại CTCP Sách và Dịch vụ Văn Hóa Long An để tập trung phát triển chuỗi giá trị ngành Dược.
- Tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại CTCP Dược phẩm Yên Bái từ 51,84% lên 53,53%, cũng như tiếp tục thực hiện chủ trương tăng tỷ lệ sở hữu thêm tại các công ty con nếu phù hợp.



Đầu tư dự án

- Hoàn tất việc xây mới văn phòng và nhà kho Chi nhánh Cần Thơ.
- Sang nhượng nhà văn phòng tại Chi nhánh Hà Nội để chuyển sang địa điểm kinh doanh mới, thuận tiện trong việc mở rộng hệ thống và chuyên nghiệp hóa về cơ cấu tổ chức trong hoạt động kinh doanh.
- Tiến hành giải thể CTCP Dược phẩm OC do dự án đầu tư ban đầu chưa triển khai, hoạt động kinh doanh có thay đổi.
- Hoàn thành cơ bản việc nộp tiền sử dụng đất một lần cho một số thửa đất của công ty để ổn định chi phí sử dụng đất và hướng đến sử dụng hiệu quả hơn.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng, giảm 2018/2017
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	157.849	178.819	13,28%
1	Phải thu khách hàng	144.977	154.911	6,85%
2	Trả trước cho người bán	3.731	3.376	-9,50%
3	Phải thu ngắn hạn khác	9.367	21.874	133,53%
4	Dự phòng khoản phải thu khó đòi	(225)	(1.342)	-
II	Các khoản phải thu dài hạn	2.142	2.479	15,71%
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-
2	Phải thu dài hạn khác	2.142	2.479	15,71%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018

Năm 2018, các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty tăng từ 157,85 tỷ đồng lên 178,82 tỷ đồng, tương ứng gia tăng 13,28% so với cùng kỳ năm 2017, bao gồm các khoản phải thu từ đại lý, nhà thuốc, bệnh viện,... Nguyên nhân chính làm gia tăng các khoản phải thu là do sự gia tăng 133,53% khoản phải thu ngắn hạn khác, cụ thể là tăng trong phải thu các bên liên quan, phải thu khoản tạm ứng, tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre 10,1 tỷ đồng và khoản phải thu liên quan đến chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Long An 4 tỷ đồng. Phải thu ngắn hạn khách hàng trong năm tăng 6,85%, tuy nhiên vòng quay khoản phải thu giảm từ 5,38 vòng xuống còn 4,61 vòng làm kỳ thu hồi khoản phải thu bình quân tăng từ 67 ngày lên 79 ngày, nguyên nhân là do doanh thu thuần trong năm giảm, đồng thời mạng lưới cung ứng chủ yếu của công ty là kênh ETC mà phần lớn là các đơn vị bệnh viện công nên làm chậm công tác thu hồi vốn của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty trích lập dự phòng bổ sung 1,12 tỷ đồng làm gia tăng dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm 2018 từ 225 triệu đồng lên 1,34 tỷ đồng. Khoản trả trước người bán trong năm 2018 giảm tương đối 9,50% so với cùng kỳ góp phần cải thiện tình hình các khoản phải thu.

Các khoản phải thu dài hạn có tỷ trọng nhỏ chỉ đạt khoản 1,4% các khoản phải thu ngắn hạn. Trong năm 2018, các khoản phải thu dài hạn tăng từ 2,14 tỷ đồng lên 2,48 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 15,71% chủ yếu là tăng trong khoản đặt cọc thuê mặt bằng văn phòng tại TP Hồ Chí Minh trị giá 1,2 tỷ đồng.

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng, giảm 2018/2017
I	Nợ ngắn hạn	366.620	377.218	2,89%
1	Vay ngắn hạn	219.923	221.180	0,57%
2	Phải trả người bán	129.649	130.527	0,68%
3	Người mua trả tiền trước	351	314	-10,71%
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.255	4.750	278,47%
5	Phải trả người lao động	7.649	3.091	-59,59%
6	Chi phí phải trả	3.710	2.238	-37,69%
7	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	164	164	-
8	Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.294	11.013	751,21%
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.626	3.942	50,13%
II	Nợ dài hạn	99	373	277,12%
1	Phải trả dài hạn khác	99	93	-6,06%
2	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	280	-

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018

Tổng nợ phải trả của Công ty năm 2018 đạt 377,59 tỷ đồng tăng 2,96% so với cùng kỳ năm 2017 với sự gia tăng trong nợ phải trả ngắn hạn và nợ dài hạn. Cụ thể, nợ ngắn hạn trong năm đạt 377,22 tỷ đồng tăng 2,89%, nguyên nhân chủ yếu làm gia tăng nợ phải trả ngắn hạn là do thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng từ 1,26 tỷ đồng lên 4,75 tỷ đồng do tăng các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân. Các khoản phải trả phải nộp khác tăng từ 1,29 tỷ đồng lên 11,01 tỷ đồng so với cùng kỳ, nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng đáng kể trong khoản phải trả phải nộp khác là do sự gia tăng của cổ tức phải trả cho các bên liên quan và các tổ chức cá nhân khác như cổ tức phải trả thành viên Ban Điều hành, thành viên Hội đồng quản trị và các cá nhân có liên quan,... Bên cạnh sự gia tăng đáng kể trong các khoản kể trên, khoản mục người mua trả tiền trước giảm 10,71%, phải trả người lao động giảm 59,59% và chi phí phải trả giảm 37,69% đã góp phần hạn chế sự gia tăng các khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty. Nợ phải trả dài hạn của Công ty năm 2018 tăng từ 99 triệu đồng lên 373 triệu đồng so với cùng kỳ nguyên nhân là do năm 2018 Công ty có khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chi phí cải tạo, sửa chữa kho và văn phòng tại Chi nhánh Hồ Chí Minh trị giá 280 triệu đồng. Công ty không có khoản vay dài hạn do trong năm 2018 Công ty không có các dự án đầu tư lớn, chủ yếu sử dụng vốn lưu động phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

➤ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,23	1,18
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,73	0,72
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	59,43	61,16
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	146,50	157,46
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,42	3,37
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,39	1,26
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,53	2,73
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	13,79	8,64
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,92	3,43
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,11	2,30

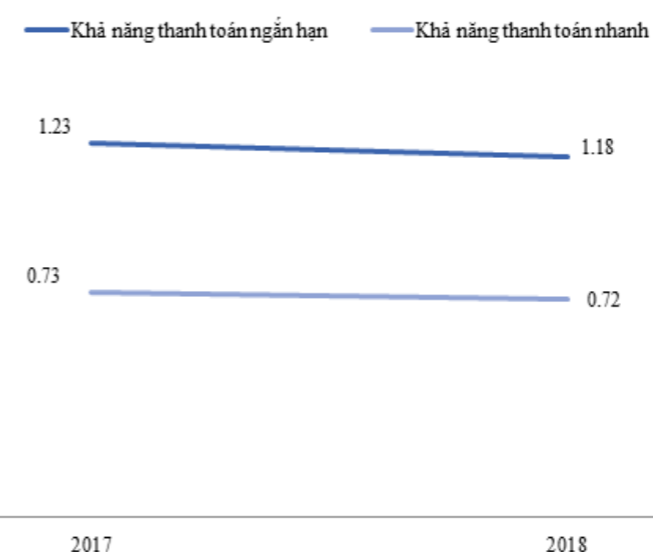
Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018



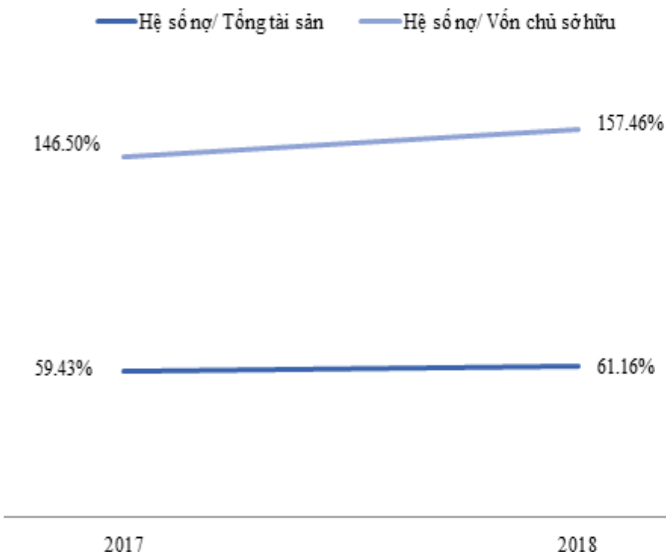
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2018 có sự sụt giảm tương đối so với năm 2017, tuy nhiên vẫn duy trì ở mức an toàn. Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,23 lần xuống 1,18 lần và hệ số thanh toán nhanh giảm từ 0,73 lần xuống 0,72 lần. Trong năm, Công ty đã không ngừng cải thiện chính sách bán hàng hợp lý, đa dạng hóa các nguồn hàng làm cho sản lượng bán hàng của Công ty ngày càng tăng, khoản phải thu ngắn hạn trong năm tăng 13,28% so với cùng kỳ. Nguyên nhân làm giảm các hệ số thanh toán là do sự gia tăng 2,96% trong khoản nợ phải trả với sự gia tăng cả nợ dài hạn và nợ ngắn hạn trong khi tài sản ngắn hạn có sự sụt giảm tương đối 1,24% chủ yếu do giảm tiền và tương đương tiền của Công ty. Nhìn chung hệ số thanh toán của Công ty được giữ ở mức an toàn, đồng thời Công ty luôn theo dõi và duy trì khoản tiền mặt đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Khả năng thanh toán



Cơ cấu vốn



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

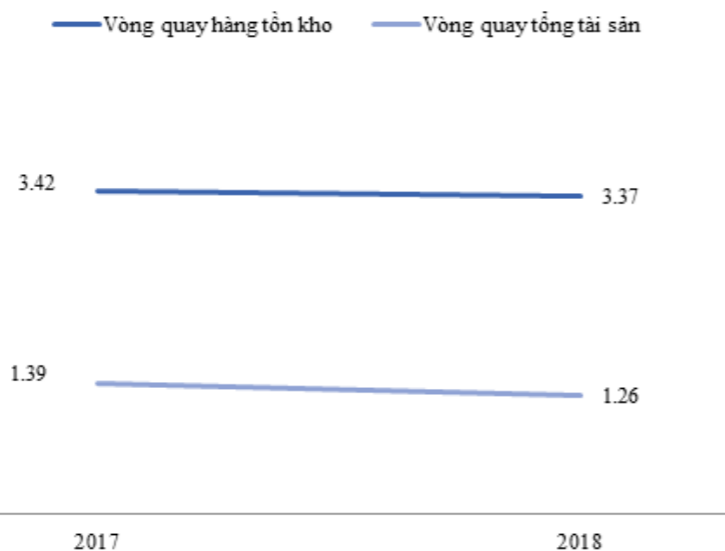
Công ty không sử dụng nợ vay tài chính dài hạn mà chủ yếu sử dụng nợ ngắn hạn. Năm 2018, Hệ số nợ/Tổng tài sản tăng từ 59,43% lên 61,16% chủ yếu là do sự gia tăng 2,96% trong nợ phải trả mà chủ yếu là khoản thuế phải nộp Nhà nước và cổ tức phải trả trong khi tổng tài sản không có sự biến động đáng kể. Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu cũng biến động tăng từ 146,50% lên 157,46% so với cùng kỳ.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

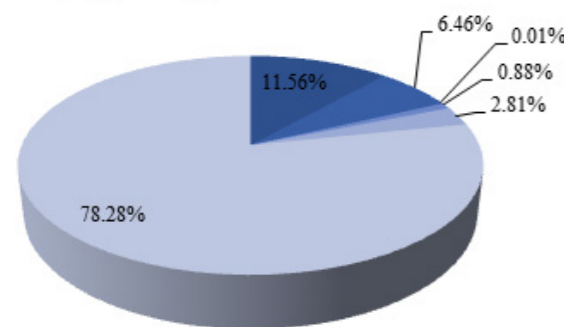
Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty năm 2018 đều có sự sụt giảm tương đối so với năm 2017, tuy nhiên có thể thấy các chỉ tiêu này vẫn được duy trì ổn định. Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 3,42 vòng xuống còn 3,37 vòng và vòng quay tổng tài sản giảm 1,39 vòng xuống còn 1,26 vòng. Trong năm 2018, giá vốn hàng bán giảm từ 614 tỷ đồng xuống còn 599 tỷ đồng tương ứng giảm 2,87% so với cùng kỳ, nên kéo theo vòng quay hàng tồn kho sụt giảm. Bên cạnh đó, giá trị hàng tồn kho năm 2018 là 174,46 tỷ đồng, giảm 3,78% so với cùng kỳ năm trước với sự sụt giảm hầu hết các

khoản mục. Cụ thể, hàng mua đang đi đường giảm từ 20,95 tỷ đồng xuống còn 13,58 tỷ đồng tương ứng giảm 35,19%; nguyên vật liệu giảm 11,71 tỷ đồng xuống còn 10,44 tỷ đồng tương ứng giảm 10,86% và thành phẩm cũng sụt giảm 35,24% từ 5,1 tỷ đồng xuống còn 3,3 tỷ đồng. Hàng hóa chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu hàng tồn kho, năm 2018 chiếm 83,39% tỷ trọng tuy nhiên chỉ tăng tương đối 2,50%, đồng thời khoản mục công cụ, dụng cụ và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cũng đạt sự gia tăng là 54,17% và 1,45% nhưng chiếm tỷ trọng nhỏ nên ảnh hưởng không đáng kể đến giá trị hàng tồn kho trong năm. Số ngày lưu kho bình quân là 108 ngày, chỉ chênh lệch tăng 1 ngày so với số ngày lưu kho năm 2017. Tổng tài sản bình quân năm 2018 gia tăng 7,45% so với năm 2017 trong khi doanh thu thuần giảm 2,98% là nguyên nhân làm giảm hiệu suất sử dụng tài sản của Công ty trong kỳ.

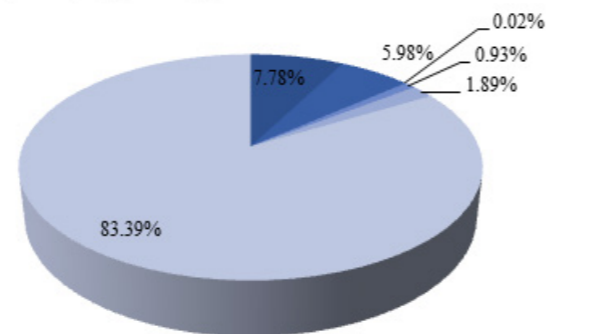
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Tỷ trọng hàng tồn kho năm 2017



Tỷ trọng hàng tồn kho năm 2018



- Hàng mua đang đi trên đường
- Nguyên liệu, vật liệu
- Hàng mua đang đi trên đường
- Nguyên liệu, vật liệu
- Công cụ, dụng cụ
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- Công cụ, dụng cụ
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- Thành phẩm
- Hàng hóa
- Thành phẩm
- Hàng hóa

Bảng: Chỉ tiêu hàng tồn kho năm 2017 - 2018

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2017	Năm 2018	%Tăng,giảm	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Hàng mua đang đi trên đường	20.953	13.579	-35,19%	11,56%	7,78%
Nguyên liệu, vật liệu	11.712	10.440	-10,86%	6,46%	5,98%
Công cụ, dụng cụ	24	37	54,17%	0,01%	0,02%
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.591	1.614	1,45%	0,88%	0,93%
Thành phẩm	5.100	3.303	-35,24%	2,81%	1,89%
Hàng hóa	141.942	145.490	2,50%	78,28%	83,39%
Tổng cộng	181.323	174.464	-3,78%	100,00%	100,00%

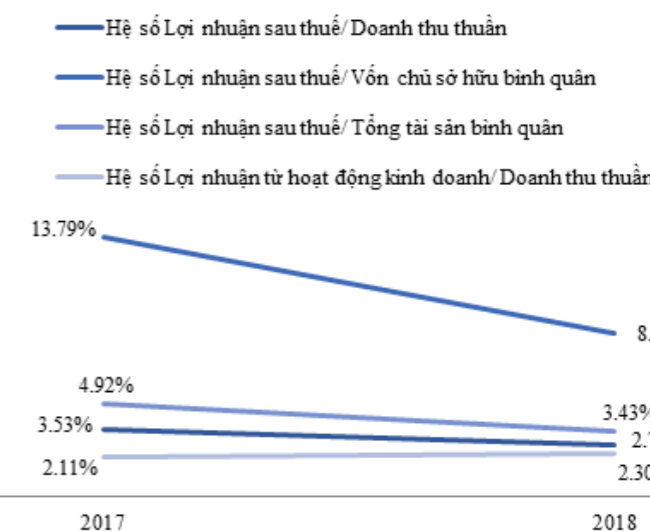
Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2018

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Sự sụt giảm 25,02% trong lợi nhuận sau thuế đạt được của Công ty trong năm 2018 là nguyên nhân kéo theo sự sụt giảm đáng kể trong các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty. Hệ số ROE giảm từ 13,79% xuống còn 8,64% và hệ số ROA giảm từ 4,92% xuống còn 3,43%.

Nhìn chung, những khó khăn trong năm 2018 về biến động giá cả nguyên liệu, thành phẩm đầu vào tăng cao do biến động tỷ giá, một số nhóm sản phẩm mới chưa được triển khai theo đúng kế hoạch dự kiến và nguồn thu từ hoạt động đầu tư tài chính tại các công ty con, công ty liên kết không đúng kế hoạch đã làm giảm tương đối kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

Khả năng sinh lời



TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 12.314.494 cổ phần

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 12.314.494 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 20/03/2019

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	11.845.027	118.450.270.000	96,19%
1	Cá nhân	11.756.981	117.569.970.000	95,47%
2	Tổ chức	88.046	880.460.000	0,71%
II	Cổ đông nước ngoài	469.467	4.694.670.000	3,81%
1	Cá nhân	34.577	345.770.000	0,28%
2	Tổ chức	434.890	4.348.900.000	3,53%
	Tổng cộng	12.314.494	123.144.940.000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG & CỘNG ĐỒNG

Nhằm chia sẻ những thành quả đạt được cho những hoàn cảnh khó khăn, các hoạt động cộng đồng, xã hội, Hội đồng quản trị Công ty luôn quan tâm các hoạt động tài trợ, khám chữa bệnh từ thiện, cấp phát thuốc cho bệnh nhân nghèo, ủng hộ quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng...



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Thuận lợi và khó khăn

Thuận lợi

- Về việc đầu tư vốn vào các công ty cùng ngành, đã hoàn tất việc đầu tư chiến lược và nắm giữ tỷ lệ sở hữu chi phối tại các công ty con; duy trì tỷ lệ sở hữu ở công ty liên kết mạnh về hoạt động phân phối để mở rộng danh mục sản phẩm và phát triển thị trường.
- Tiếp tục tổ chức cơ cấu lại nhân sự cho tinh gọn, phù hợp; sắp xếp lại một số phòng ban chức năng, bổ nhiệm một số chức danh quản lý có kinh nghiệm trong các lĩnh vực chuyên ngành; xây dựng lại thang bảng lương cho phù hợp với chính sách nhà nước và tình hình sản xuất kinh doanh; ổn định thu nhập và đời sống của người lao động.
- Tăng cường phát triển doanh số kênh bán hàng OTC song song với ETC bằng nhiều chương trình và chính sách bán hàng, góp phần bù đắp sự sụt giảm doanh số 2 trong công tác đấu thầu và mở rộng mạng lưới kinh doanh ở tất cả các tuyến trên cả nước.
- Tiếp tục nâng cấp hệ thống ERP cho toàn công ty, ở các phân hệ đã và đang dần hoàn thiện như nhân sự & quản lý kinh doanh, tài chính - kế toán, và một số phân hệ quản lý khác. Việc hoạt động hiệu quả của hệ thống này góp phần hoàn thiện công tác quản trị từ cấp cao đến cấp cơ sở ở từng bộ phận kinh doanh của Công ty.

Khó khăn

- Nhóm hàng nhập khẩu truyền thống vẫn là mối lo hàng đầu, luôn bị áp lực cạnh tranh về giá và rủi ro rớt thầu trong công tác đấu thầu, ngoài ra còn do ảnh hưởng bởi lý do khách quan là tỷ giá ngoại tệ, lãi suất tiền vay ngắn hạn tăng, chi phí vận chuyển hàng hóa tăng... làm suy giảm hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.
- Quá trình tái cơ cấu lại nhân sự chưa hoàn tất nên chưa có giải pháp đồng bộ, kịp thời để thúc đẩy mạng lưới hoạt động hiệu quả tương xứng với tiềm năng hiện có và việc triển khai các sản phẩm mới ra thị trường còn chậm so với dự kiến.



BẢO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

Tình hình sản phẩm và thị trường

- Sản phẩm chính trong kinh doanh của Công ty chủ yếu là thuốc chữa bệnh, được quản lý, triển khai bán hàng theo 03 nguồn cung cấp chính:
 - + Nguồn hàng do Công ty nhập khẩu trực tiếp (HNK).
 - + Nguồn hàng do Bepharco, 02 Công ty con (Biopharco, Ypharco) và Meyer-BPC sản xuất (HSX).
 - + Nguồn hàng khác từ các nhà sản xuất và phân phối trong và ngoài nước (HK).
- Hàng hóa công ty phân phối trải rộng trên 63 tỉnh, thành phố. Mạng lưới phân phối được chia thành 03 vùng (Bắc, Trung, Nam), quản lý và điều hành bởi 7 đơn vị trực thuộc: Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh, CN Hà Nội, CN Đà Nẵng, CN Cần Thơ, CN Khánh Hòa, CN Ninh Bình và Phòng Kinh doanh tại Bến Tre.
- Trong năm 2018, hàng hóa công ty phân phối đến gần 10.000 khách hàng, tăng 2,9% so với kế hoạch 2018 là 9.350 khách hàng. Trong đó khách hàng OTC tăng 7,9% so với kế hoạch 2018 là 7.645 khách hàng.
- Khách hàng tập trung nhiều ở trung tâm thị xã, thành phố là 6.646 (69,1%); ở tuyến thị trấn, tuyến xã là 2.974 (30,9%).
- Doanh thu thuần năm 2018 là 693,8 tỷ đồng; phân chia theo các nguồn hàng tham gia như sau: Hàng nhập khẩu đạt 341,6 tỷ đồng (chiếm 49,2%), hàng sản xuất đạt 114,4 tỷ đồng (chiếm 16,5%), còn lại là hàng khác hơn 237,8 tỷ đồng (chiếm 34,3%).



➤ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Bepharco

Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh năm 2018 là 23,2 tỷ đồng, được hình thành từ lãi gộp bán hàng 151,9 tỷ đồng trừ đi chi phí bán hàng - quản lý 127,8 tỷ đồng, cộng với doanh thu hoạt động tài chính 9,5 tỷ đồng, trừ 3 chi phí tài chính 18,3 tỷ đồng. Chi tiết các chỉ tiêu hình thành lợi nhuận bán hàng được trình bày dưới đây:

Bảng: Doanh thu & cơ cấu doanh thu (*)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1	Tổng doanh thu thuần	Tỷ đồng	705,9	693,8
1.1	Doanh thu thuần HNK	Tỷ đồng	340,0	341,6
	Tốc độ tăng trưởng	%	5%	0,5%
	Tỷ trọng	%	48%	49%
1.2	Doanh thu thuần HSX	Tỷ trọng	97,5	114,4
	Tốc độ tăng trưởng	%	58%	17%
	Tỷ trọng	%	14%	17%
1.3	Doanh thu thuần HK	Tỷ đồng	268,4	237,8
	Tốc độ tăng trưởng	%	49%	-12%
	Tỷ trọng	%	38%	34%
2	Tốc độ tăng trưởng	%	24%	-2%

Bảng: Lãi gộp bán hàng (*)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1	Lãi gộp	Tỷ đồng	161,5	151,9
2	Tốc độ tăng trưởng	%	15%	-6%
3	Lãi gộp/Doanh thu	%	22,8%	21,9%

(*) Theo số liệu Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 của Công ty mẹ.
Kết quả đánh giá Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày ở phần trên.

- Tổng mức doanh thu thuần năm 2018 đạt được 693,8 tỷ đồng - giảm 12,1 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ giảm 1,8% so với năm 2017. Nguyên nhân sụt giảm là do tình hình khó khăn chung của ngành, giá bán giảm và tập trung cơ cấu lại nhóm hàng.
- Từ khi cổ phần hóa vào giữa năm 2004, doanh thu của Công ty tăng trưởng rất đều, tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 10% (năm sau so với năm trước). Nhưng giai đoạn 2013 - 2018 tốc độ doanh thu không ổn định, thậm chí tỉ lệ tăng trưởng âm xuất hiện ở năm 2013, 2014 và 2018. Nguyên nhân chính là do chính sách vĩ mô về đấu thầu thuốc trong các bệnh viện công lập thay đổi, mức độ ảnh hưởng nặng nhất vào 6 tháng cuối năm 2013, kéo dài đến 2014 và hiện nay. Việc giảm doanh thu là do khách quan, nhưng chủ quan là do công ty chưa có động thái thiết thực để giảm thiểu rủi ro sụt giảm doanh thu dù đã dự đoán trước tình hình.
- Trong những năm sụt giảm, doanh thu của nhóm hàng nhập khẩu vẫn có tăng trưởng dù tỷ lệ không cao, trong khi nhóm hàng sản xuất và hàng khác sụt giảm và phát triển chưa ổn định. Nhưng do hàng nhập khẩu chiếm tỷ trọng lớn và hàng sản xuất cũng dẫn phát triển nên đã kéo lại mức giảm doanh thu chung.
- Mức lãi gộp bán hàng đạt được trong năm 2018 là 151,9 tỷ đồng - giảm gần 10 tỷ đồng, tương đương 6% so với năm 2017. Mức giảm là do doanh thu giảm cộng với việc thực hiện các chính sách giảm giá, kích cầu để giữ thị phần và ổn định khách hàng. Doanh số bán hàng nhập khẩu vẫn ổn định và tăng nhẹ, khoảng 0,5% so với cùng kỳ, nhưng do tỷ giá đầu vào tăng và nguyên nhân còn do nhóm hàng khác có tỷ trọng cao nhưng mức lãi gộp thấp, nên làm ảnh hưởng đến tỷ lệ lãi gộp chung.
- Việc quản lý các khoản chi phí khá tốt, chi phí bán hàng thực hiện chỉ tăng 4,8 tỷ đồng so với cùng kỳ, tính tỷ lệ chi phí trên doanh thu thuần thì tỷ lệ này tăng khoảng 1%, (năm 2018 là 12,9% so với 12,0% của năm 2017 và 11,8% năm 2016). Như vậy, dù phải chi phí nhiều cho hoạt động tiếp thị của 2 nhóm hàng sản xuất mới, chứng tỏ rằng các khoản chi phí dành cho hoạt động bán hàng vẫn bình thường; đối với chi phí quản lý doanh nghiệp thực hiện giảm 4,6 tỷ đồng so với cùng kỳ, nếu tính tỷ lệ chi phí trên doanh thu thuần thì tỷ lệ này giảm 0,6%, (năm 2018 là 5,5% so với 6,1% năm 2017 và 6,9% năm 2016), với chủ trương sắp xếp cơ cấu lại nhân sự của HĐQT làm tăng hiệu quả hoạt động và giữ hệ thống ổn định.
- Dựa vào biên lợi nhuận thuần đạt 2,2% và biên lợi nhuận hoạt động đạt 5,2% cho thấy công ty hoạt động kinh doanh có thể chi trả các khoản chi phí dựa trên doanh thu thuần của hoạt động kinh doanh bán hàng. Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần của Công ty năm 2018 2,7%, giảm 1,6% so năm 2017 4,3%, năm 2016 4,5%. Công ty hoạt động chính theo hướng phân phối nên mức lợi nhuận biên không cao so với các đơn vị cùng ngành có hoạt động sản xuất quy mô hơn.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2018 đạt 23,2 tỷ đồng, sau khi trừ thuế thu nhập doanh nghiệp 4,0 tỷ đồng thì lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt 18,7 tỷ đồng, chưa hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2018 đã đề ra với chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế là 26,5 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Tổng tài sản 03 năm gần nhất từ 2016 - 2018 cho thấy tài sản tăng liên tục, năm 2018 tăng 8,4 tỷ đồng, tương đương 1,5% so với năm 2017; năm 2017 tăng 79,9 tỷ đồng, tương đương 17,6% so với năm 2016; năm 2016 tăng 84,5 tỷ đồng, tương đương 18,8% so với năm 2015. Xét về mức biến động thì hàng tồn kho có xu hướng giảm, do dự trữ hàng nhập khẩu đã hết số đăng ký, nhưng có sự gia tăng đáng kể các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại các công ty con, công ty liên kết.

Tồn kho năm 2018 có xu hướng giảm theo chiều hướng tích cực với mức độ vừa đủ và hợp lý so với các năm trước. Mức tồn kho bình quân năm 2018 là 164,9 tỷ đồng, tăng 1,4 tỷ đồng so với năm 2017 là 163,5 tỷ đồng, giảm 9,9 tỷ đồng so với năm 2016 là 174,8 tỷ đồng. Với mức tồn kho vừa nêu thì số ngày lưu kho bình quân năm 2018 là 111 ngày, tăng 2 ngày so với 109 ngày năm 2017 và 149 ngày so với năm 2016.



Khoản phải thu 163,3 tỷ đồng vào cuối năm 2018, tăng 21,3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2017. Phải thu về bán hàng tăng 9,4 tỷ đồng, tương đương 137,2 tỷ đồng năm 2018 so với năm 2017 là 127,8 tỷ đồng. Nợ phải thu bán hàng bình quân năm 2018 là 132,4 tỷ đồng năm 2018, tăng 19,7 tỷ đồng so với năm 2017 là 112,7 tỷ đồng. Số ngày cho nợ bình quân năm 2018 là 70 ngày, tăng 12 ngày so với năm 2017 là 58 ngày.

Tài sản dài hạn với giá trị năm 2018 là 181,3 tỷ đồng, tăng 15,8 tỷ đồng so cùng kỳ năm 2017 là 165,5 tỷ đồng. Trong đó: khoản đầu tư tài chính dài hạn không có sự thay đổi nhiều như đầu tư vào công ty con hơn 90 tỷ đồng, Công ty liên doanh liên kết hơn 48 tỷ đồng; riêng chi phí dài hạn trả trước là 18,2 tỷ đồng, bao gồm tiền thuê đất trả trước tại Văn phòng chính là hơn 11 tỷ đồng và chi phí cải tạo kho & văn phòng tại TP Hồ Chí Minh hơn 6 tỷ đồng.

Tình hình nguồn vốn

- Khối tài sản tại ngày 31/12/2018 nêu trên được đài thọ bởi nguồn vốn chủ hơn 171,1 tỷ đồng, từ lợi nhuận để lại và các quỹ; nguồn nợ phải trả hơn 372,1 tỷ đồng, tăng 19,6 tỷ đồng, tương đương tăng hơn 5,5% so với đầu năm.
- Chỉ số nợ trên vốn chủ sở hữu của công ty các năm trước trong khoảng từ 2,0 – 2,2 lần, năm 2017 là 1,93 lần, năm 2018 là 2,17, chỉ số này cho thấy vốn chủ cũng chưa cải thiện nhiều, cần có chủ trương cơ cấu lại danh mục tài sản và các khoản đầu tư đủ sức trang trải cho các khoản nợ tốt hơn. Nhìn chung, đặc điểm của ngành Dược: vốn ít, sử dụng đòn bẩy nhiều. Chỉ số này dưới 03 được xem là an toàn đối với doanh nghiệp hoạt động lâu năm và có uy tín trên thị trường như Công ty. Hơn nữa, nhìn vào hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2018 là hơn 1.0 và hệ số thanh toán nhanh là 0,5, xét thấy Công ty hoàn toàn có thể chủ động được các khoản nợ ngắn hạn bằng tài sản ngắn hạn tương đối tốt

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty Bepharco

- Năm 2018, dòng tiền thu từ hoạt động kinh doanh năm 2018 giảm mạnh là do các biến động về lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính, từ các khoản phải thu... Với hoạt động kinh doanh chính là do doanh số các nguồn hàng giảm làm ảnh hưởng đến tỷ lệ lãi gộp chung, các khoản phải thu là do tỷ trọng nợ của các đối tượng nợ hệ điều trị thanh toán từ ngân sách nhà nước, mặt khác nhằm để kích cầu cũng làm gia tăng chi phí khuyến mãi, quảng cáo; về hoạt động đầu tư, dòng tiền thu được từ thanh lý những tài sản dài hạn khác, tiền thu được từ cổ tức và lợi nhuận được chia; về hoạt động tài chính, dòng từ thu được từ việc tăng vay thanh toán cho các khoản phải trả từ đầu năm đến nay.
- Tóm lại, số dư tiền năm 2018 có xu hướng giảm so với cùng kỳ là do chủ yếu từ dòng tiền hoạt động kinh doanh chính, nguồn thu từ các hoạt động đầu tư tài chính tại các công ty con, công ty liên kết không như dự kiến do tình hình chung của ngành Dược trong năm 2018. Vì vậy, để đảm bảo dòng tiền hoạt động kinh doanh ổn định, Công ty sẽ rà soát lại biên lợi nhuận của các nguồn hàng, xem xét chặt chẽ lại chính sách bán hàng, tồn kho, chính sách nợ từ các khoản phải thu để phòng ngừa từ các rủi ro khách quan.



CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

➤ Cải cách về cơ cấu, tổ chức

Thực hiện cơ cấu lại một số nhân sự chủ chốt và tăng cường bổ sung lực lượng bán hàng, hoàn thiện sơ đồ tổ chức theo chức năng nhiệm vụ mới, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh, mở rộng thị trường.

➤ Chính sách quản lý, điều hành

- Từng bước ổn định việc phân chia địa bàn kinh doanh theo 3 vùng miền Bắc – Trung – Nam, bố trí cán bộ quản lý theo khu vực vùng miền, chia tách 02 kênh bán hàng trong và ngoài hệ điều trị, góp phần phát huy thế mạnh từng khu vực và tạo sự gắn kết, lãnh chỉ đạo xuyên suốt trong hệ thống, phát huy hiệu quả kinh doanh.
- Từng bước áp dụng việc quản lý điều hành theo mô hình chung xuyên suốt từ Công ty mẹ đến các công ty con.

➤ Chiến lược phát triển sản phẩm

- Tập trung ưu tiên, phát triển các sản phẩm chủ lực sản xuất trong nước thông qua các hình thức cải tiến bao bì, mẫu mã và chất lượng, tăng cường các biện pháp thúc đẩy bán hàng, chăm sóc khách hàng.
- Từng bước đầu tư vào nghiên cứu phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cao của thị trường trong nước và khu vực.

➤ Cách thức quảng bá thương hiệu

- Truyền thông phổ cập kiến thức sản phẩm: Báo viết, tạp chí, tài liệu chuyên ngành
- Truyền thông, quảng cáo qua internet, truyền thanh, truyền hình.
- Quảng cáo hình ảnh: bảng ngoài trời, trưng bày tại điểm bán, tờ rơi sản phẩm
- Dịch vụ sau bán hàng: Website sản phẩm, tổng đài hỗ trợ khách hàng.
- Tham gia các hoạt động hội nghị, hội thảo chuyên ngành.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

➤ Phương hướng hoạt động năm 2019

- Thực hiện tốt chiến lược nhân sự, sản phẩm, tài chính; tăng cường công tác quản lý và nâng cao năng lực trong từng đơn vị; hoàn thiện hệ thống quản trị tại các công ty con để sử dụng và khai thác đồng vốn có hiệu quả.
- Định vị Công ty mẹ tiếp tục đi hướng chính là phân phối, củng cố và mở rộng thị trường, tăng cường công tác tiếp thị, giới thiệu sản phẩm mới mang tính chiến lược, tăng sức cạnh tranh. Nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp phù hợp từng địa bàn nhằm phát huy được thế mạnh hiện có đưa doanh số tăng mạnh trong những năm tiếp theo.
- Củng cố trong toàn hệ thống hoạt động năng động và linh hoạt, tăng cường năng lực chuyên môn nghiệp vụ, phát huy sức mạnh hệ thống phân phối thông qua văn hóa doanh nghiệp. Nắm bắt kịp thời tâm tư nguyện vọng của người lao động, đảm bảo thu nhập ổn định để người lao động an tâm làm việc nhằm đưa công ty phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

➤ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2019

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019
1	Doanh thu thuần	Đồng	725.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	30.700.000.000
3	Mức chia cổ tức	%/VĐL	Tối thiểu 10%

Các công tác khác

- Đầu tư hoàn thiện hệ thống quản lý và kênh phân phối theo hướng tập trung chuyên sâu vào đối tượng khách hàng theo 02 kênh phân phối ETC (điều trị/ đầu thầu) và OTC (bán lẻ).
- Nghiên cứu nhằm phát triển mạnh hơn nhóm sản phẩm nhập khẩu thông qua việc mở rộng thêm đối tác mới cũng như chủng loại sản phẩm mới theo nhu cầu và xu hướng điều trị, đồng thời mở rộng nhóm sản phẩm phân phối không chỉ trong lĩnh vực hóa dược, đông dược, sinh phẩm mà luôn cả vắc xin, thực phẩm chức năng, thiết bị y tế và mỹ phẩm.
- Đặt trọng tâm cho năm 2019 và những năm sau gia tăng phát triển nhóm hàng sản xuất ở 02 Công ty con: Ypharco, Biopharco. Kết hợp marketing đẩy mạnh hiệu quả hoạt động bán hàng bằng nhiều hình thức, tạo khí thế từ trong nội bộ lan ra bên ngoài khách hàng, nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh để cải thiện chế độ lương thưởng cho nhân viên bán hàng.
- Tiếp tục dịch chuyển cơ cấu lại nhân sự, tăng cường thu hút nguồn lực có chuyên môn cao, có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực chuyên ngành.
- Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội cổ đông theo đúng tiến độ và Điều lệ Công ty.

➤ Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

ĐVT: Đồng

STT	Diễn giải	Tỷ lệ	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2018 BCTC đã được kiểm toán		18.665.106.175
2	Tổng lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2018 (theo BCTC đã được kiểm toán)		35.965.951.570
	Trong đó: Đã trích cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt 8% (ngày chi 25/03/2019)	8%/VĐL	9.851.595.200
3	Trích quỹ khen thưởng 3% lợi nhuận sau thuế	3%/LNST	559.953.185
4	Trích quỹ phúc lợi 2% lợi nhuận sau thuế	5%/LNST	373.302.124
5	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối		35.032.696.261



➤ Biện pháp thực hiện

- Tiến hành thương thảo với Ngân hàng tìm kiếm các sản phẩm tài chính phù hợp để có kế hoạch ổn định tỷ giá.
- Xem xét mở rộng quan hệ thêm với các đối tác tài chính - Ngân hàng để có chính sách ưu đãi về vốn và chi phí dịch vụ đáp ứng nhu cầu kinh doanh và tiết kiệm chi phí trong kinh doanh.
- Xây dựng các chính sách, CTKM và triển khai kế hoạch bán hàng cho các nhóm sản phẩm mới đạt hiệu quả cao nhất.
- Phân chia hệ thống bán hàng theo 02 kênh OTC và ETC, quản lý và phát triển mạng lưới bán hàng theo hệ thống dọc, nhằm chuyên môn hóa từng lĩnh vực, phân công cán bộ quản lý am hiểu địa bàn giám sát, thúc đẩy phát triển kinh doanh đạt hiệu quả tối ưu nhất.
- Tăng cường tìm kiếm các sản phẩm mới trong và ngoài nước, cũng như xem xét mở rộng thêm thị trường trong và ngoài nước.
- Hoàn thiện các qui định, qui chế về kiểm soát và tiết kiệm chi phí để mang lại hiệu quả trong kinh doanh.





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Tổng quan các chỉ số do ĐHCĐ giao chưa đạt kế hoạch đã đề ra.
- Nguyên nhân: lĩnh vực hoạt động của Công ty nói riêng và ngành dược nói chung còn nhiều khó khăn.
- Tuy nhiên, Công ty đã tăng tỷ lệ các nhóm hàng bán do 2 Công ty con sản xuất so với năm trước và HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã triển khai tập trung, cơ cấu lại tổ chức, mô hình kinh doanh và triển khai áp dụng mô hình mới từ năm 2019.



ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Những thành quả đạt được

- Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lãnh đạo thực hiện hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội Cổ đông đề ra, riêng năm 2018 Công ty phải điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do ảnh hưởng biến của chính sách ngành, cạnh tranh thâu và kế hoạch triển khai bán hàng cho các nhóm hàng của các công ty con trong nhóm sản xuất chưa đúng tiến độ.
- Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh Công ty để Hội đồng Quản trị nhận định, đánh giá và có sự hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời, hiệu quả.
- Nhiệm kỳ qua, đã thực hiện cơ cấu sắp xếp lại nhân sự một số phòng ban chức năng, đảm bảo nhu cầu hoạt động Công ty và đề xuất bổ nhiệm một số chức danh quản lý đáp ứng nhu cầu chuyên môn.
- Triển khai áp dụng phần mềm quản lý hệ thống ERP, CRM, HR đúng tiến độ, kiểm soát ngày giờ công bằng dấu vân tay, khai thác hiệu quả phần mềm quản lý.
- Hoàn tất việc phân chia theo địa bàn kinh doanh theo 3 vùng miền Bắc – Trung – Nam, bố trí cán bộ quản lý theo khu vực vùng miền nhằm thuận tiện trong điều hành hoạt động kinh doanh.

Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

- Trong năm 2018, doanh thu chưa đạt kế hoạch đề ra một phần do việc triển khai chính sách bán hàng các sản phẩm từ các Công ty con chậm so với tiến độ dự kiến.
- Trong nhiệm kỳ qua, Ban điều hành chưa có giải pháp phát triển thị trường, đầu ra trên lợi thế về mạng lưới cũng như các lợi thế hiện có cũng như chưa tăng cường nghiên cứu tìm kiếm đối tác thêm mới, cũng như nghiên cứu sản phẩm mới, chưa đạt mục tiêu phân phối 02 nhóm sản phẩm mới của 02 Công ty con theo kế hoạch năm.
- Giai đoạn 2014 - 2017, Công ty dành nhiều thời gian tập trung công tác đầu tư vào chuỗi giá trị ngành dược, xây dựng chiến lược, định hướng phát triển, cơ cấu tổ chức nhân sự, triển khai hệ thống ERP chung cho toàn nhóm công ty nên chưa đầu tư có chiều sâu vào công tác phát triển sản phẩm, đối tác, mạng lưới được hiệu quả hơn.
- Chưa khai thác tối đa công suất hoạt động của nhà máy sản xuất thuốc nước tại Bepharco cũng như Nhà máy tại 02 Công ty con.
- Công tác đầu tư nghiên cứu sản xuất những sản phẩm mới, cũng như công tác nghiên cứu, đánh giá thị trường chưa được triển khai thực hiện đạt mức kỳ vọng của Hội đồng quản trị.

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

➤ Định hướng của HĐQT cho năm 2019

- Tiếp tục tập trung ưu tiên phát triển nhóm hàng hiện có do các Công ty con sản xuất, cũng như phát triển các sản phẩm mới.
- Tăng cường tìm kiếm đối tác, hợp tác với nước ngoài để mở rộng thị trường, đưa vào phân phối trong nước.
- Giám sát và điều chỉnh kịp thời cơ cấu tổ chức, mô hình kinh doanh mới do HĐQT triển khai, bắt đầu áp dụng từ năm 2019.

➤ Kế hoạch đầu tư mở rộng thị trường/tăng năng lực cung cấp dịch vụ, năng lực cạnh tranh

- Mở rộng đầu tư tại 02 công ty con, cũng như tăng cường liên doanh, liên kết với các công ty trong và ngoài nước để đa dạng nguồn hàng, tăng lợi thế cạnh tranh.

➤ Kế hoạch về vốn, tỷ lệ cổ tức cho cổ đông

- Với định hướng phát triển kinh doanh trên, HĐQT tăng cường huy động nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu kinh doanh bằng một trong các hình thức : phát hành cổ phiếu tăng vốn, sử dụng các công cụ tài chính, chủ động mở rộng tìm kiếm các tổ chức tín dụng, đối tác, quỹ đầu tư... để tạo cơ hội huy động vốn kịp thời, hiệu quả trong kinh doanh.





BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

➤ Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch	18/18	100%	
2	Ông Võ Minh Tân	Phó Chủ tịch	18/18	100%	
3	Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên	18/18	100%	
4	Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	14/18	70%	Bận công tác – có thống nhất qua điện thoại
5	Ông Lê Văn Minh	Thành viên	16/18	80%	Bận công tác – có thống nhất qua điện thoại
6	Ông Lê Vinh Danh	Thành viên	07/18	30%	Được bổ nhiệm từ 21/04/2018
7	Ông Vũ Quang Đông	Thành viên	01/18	0%	Được bổ nhiệm từ 06/12/2018

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	-	08/01/2018	Thống nhất mức trích lập quỹ lương 2018
2	-	12/01/2018	Thống nhất mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái
3	-	26/02/2018	Thống nhất đề cử nhân sự đại diện phần vốn của Bepharco tại Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang (Biopharco)
4	-	12/03/2018	Thống nhất ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên cho năm tài chính 2017 và chi trả cổ tức 2017
5	-	27/03/2018	Thống nhất triển khai xây dựng nhà văn phòng và kho cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến tre tại Cần thơ
6	-	05/04/2018	Thống nhất thông qua các tài liệu sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên cho năm tài chính 2017
7	-	16/04/2018	Thống nhất thông qua các tài liệu bổ sung sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên cho năm tài chính 2017
8	-	21/04/2018	Thống nhất chấp thuận ủy quyền tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị
9	-	03/05/2018	Thống nhất thành lập Ban kiểm toán nội bộ và bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty
10	-	09/05/2018	Thống nhất phê chuẩn giới hạn tín dụng cho Công ty năm 2018
11	-	04/06/2018	Về việc sơ kết 4 tháng đầu năm 2018 và định hướng hoạt động thời gian tới
12	-	29/06/2018	Thống nhất mức chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ
13	-	19/07/2018	Thống nhất giải chấp tài sản bảo đảm của Công ty tại Vietinbank
14	-	13/08/2018	Thống nhất giải thể Công ty con – OC JSC
15	-	16/10/2018	Chuẩn bị Đại hội cổ đông bất thường năm 2018
16	01/31.10/18/ NQ-HĐQT	31/10/2018	Thống nhất tạm ứng cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt
17	02/31.10/18/ NQ-HĐQT	31/10/2018	Thông qua kế hoạch điều động, miễn nhiệm, bổ nhiệm cán bộ chủ chốt
18	03/31.10/18/ NQ-HĐQT	31/10/2018	Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2018, kế hoạch sáp nhập Ypharco và kế hoạch kinh doanh thời gian tới
19	03/21.11/18/ NQ-HĐQT	21/11/2018	Thống nhất sang nhượng nhà văn phòng Công ty tại Hà Nội
20	01, 02, 04, 05/21.11/18/ NQ-HĐQT	21/11/2018	Chuẩn bị ĐHĐCĐ bất thường, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2018 và kế hoạch kinh doanh thời gian tới
21	-	13/12/2018	Phân công nhiệm vụ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, chức năng các đơn vị

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ

- Thực hiện chủ trương của Hội đồng quản trị: tiến hành phối hợp Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban trong công ty lên kế hoạch và thực hiện việc kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chấp hành, tuân thủ những quy định của pháp luật, những quy định của công ty có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc công ty;
- Xem xét, rà soát, kiểm tra việc chấp hành chế độ hạch toán kế toán, quản lý tài sản của công ty; các báo cáo của kiểm toán độc lập để có những ý kiến nhận xét, kiến nghị về những vấn đề kiểm soát nội bộ.



Hoạt động của Ban thư ký

- Thực hiện công bố thông tin bất thường và định kỳ theo yêu cầu của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Ủy ban chứng khoán Nhà nước đúng thời gian qui định.
- Chi chép các biên bản họp Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên cho năm tài chính 2017, Đại hội cổ đông bất thường năm 2018;
- Hoàn tất hồ sơ chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền;
- Thực hiện các công việc khác do Hội đồng quản trị phân công.

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Danh sách thành viên Ban kiểm toán nội bộ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu %/vốn điều lệ
1	Ông Nguyễn Khắc Hanh	Trưởng ban KTNB	25.000	0,20%
2	Ông Nguyễn Thiện Nhân	Thường trực BKTNB	26.724	0,22%
3	Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Thành viên BKTNB	0	0%

Hoạt động giám sát của BKTNB đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Giám sát việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên cho năm tài chính 2018, Đại hội cổ đông bất thường năm 2018, kiểm tra và đánh giá tính công khai và minh bạch của việc thực hiện chốt danh sách chi trả cổ tức, việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên,...



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD, BKTNB

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
1 Hội đồng quản trị					
	Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch	480.000.000	751.320.000	151.300.000
	Ông Võ Minh Tân	Phó Chủ tịch	400.000.000	726.820.000	130.300.000
	Ông Lê Văn Minh	Thành viên HĐQT	220.000.000		19.300.000
	Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT	240.000.000		19.300.000
	Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên HĐQT	240.000.000		19.300.000
	Ông Lê Vinh Danh	Thành viên HĐQT	80.000.000		8.800.000
	Ông Vũ Quang Đông	Thành viên HĐQT	60.000.000		6.300.000
2 Ban kiểm toán nội bộ					
	Ông Nguyễn Thiện Nhân	Trưởng ban	90.000.000	175.851.374	63.700.000
	Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Thành viên	73.000.000		8.800.000
	Bà Phạm Trần Minh Thư	Thành viên	27.000.000	90.095.803	45.730.266
3 Ban Tổng Giám đốc					
	Ông Võ Minh Tân	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	400.000.000	726.820.000	130.300.000
	Ông Lê Phước Lễ	Phó Tổng Giám đốc		356.034.600	104.300.000
	Ông Nguyễn Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc		150.609.999	55.500.000
	Bà Trần Thị Thanh Phượng	Phó Tổng Giám đốc		368.400.000	121.175.000
	Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc		418.025.999	131.675.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số CP sở hữu đầu kỳ	Số CP sở hữu cuối kỳ	Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
1	CTCP Thiết bị Ngân hàng Tiên Phong	Tổ chức có liên quan Ông Phạm Thứ Triệu	6.318.455	0	Bán hết cổ phần
2	Nguyễn Văn Chí Cường		13.000	9.000	Bán bớt cổ phần
3	Lê Thị Trúc Linh	Vợ Ông Lê Văn Minh	913.489	1.915.383	Mua thêm cổ phần
4	Lê Văn Minh		25.000	1.025.000	Mua thêm cổ phần
5	Phạm Thứ Triệu		40.000	742.707	Mua thêm cổ phần
6	Nguyễn Thế Quốc Uy		5.000	0	Bán hết cổ phần
7	Lê Phước Lễ		17.000	10.000	Bán bớt cổ phần

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Nhằm tổ chức thực hiện quản trị công ty rõ ràng, minh bạch theo đúng quy định pháp luật, công ty xây dựng Điều lệ và quy chế quản trị công ty nhằm có sự phân công phân nhiệm phù hợp. Các bộ phận tổ chức thực hiện quản trị công ty theo đúng quy trình đã quy định.



MEDICAL

Health Care
Doctor
Hospital
Pharmacist
Nurse
Dentist
First Aid
Surgeon
Emergency

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN
NĂM 2018**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dược và Vật tư y tế Bến Tre theo Quyết định số 1541/QĐ-UB ngày 06 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300382591 (số cũ 5503000017) đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 7 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 18 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
- Điện thoại : (0275) 813 447 – 822 429 – 829 528
- Fax : (0275) 824 248

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội	Tầng 8, tòa nhà Văn phòng Viwaseen, đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Ninh Bình	Số 51 đường 1B, phường Nam Thành, TP. Ninh Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Đà Nẵng	Lô A3-28, A3-29, đường Nguyễn Chí Diểu, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Khánh Hòa	Thôn Hòn Nghê, đường Nguyễn Xiển, xã Vĩnh Ngọc, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Cần Thơ	Số 91/21A, đường Cách Mạng Tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại TP. Hồ Chí Minh	Số 11 Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre – Hiệu thuốc Trung tâm Khu vực II	Số 7 đường 29/3, khu phố 3, thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm; xuất nhập khẩu các mặt hàng thuốc thành phẩm; mua bán dược liệu; bán buôn vắc xin, sinh phẩm y tế; xuất nhập khẩu dược liệu;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất thuốc trị bệnh cho người;
- Bán buôn máy móc thiết bị y tế;
- Sản xuất nước uống đóng chai, thùng;
- Bán buôn nước uống đóng chai, thùng;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê kho bãi;
- Cho thuê mặt bằng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; mua bán thực phẩm chức năng (thực phẩm dinh dưỡng);
- Cho thuê mặt bằng để kinh doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ phục vụ cho hoạt động vận chuyển hàng hóa của Công ty).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2014
Ông Võ Minh Tân	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015
Ông Lê Văn Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2016
Ông Lê Vinh Danh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2018
Ông Vũ Quang Đông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 12 năm 2018

Ban kiểm toán nội bộ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Thiện Nhân	Thường trực	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Võ Minh Tân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2014
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018
Bà Trần Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 12 năm 2007
Ông Hoàng Xuân An	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 02 năm 2017
Ông Triệu Văn Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018
Ông Lê Phước Lễ	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2014
Ông Võ Minh Tân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2014

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trong yếu tố đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Vũ Minh Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2019



Head Office 02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: 028. 3. 5472 972 Fax: 028. 3 5472 970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hanoi 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi
Tel: 024. 3 736 7879 Fax: 024. 3 736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Tel: 0258. 3 876 555 Fax: 0258. 3 875 327 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City
Tel: 0292. 3 764 995 Fax: 0292. 3 764 996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0682/19/TC-AC

BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2019, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A & C
Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2019



Trần Thị Thùy Quyên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1539-2018-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		443.922.030.540	449.492.924.881
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45.955.511.248	68.167.196.191
1. Tiền	111		24.921.362.293	47.425.284.490
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.034.148.955	20.741.911.701
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		37.180.771.233	37.416.890.037
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	37.180.771.233	37.416.890.037
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		178.818.739.655	157.849.286.637
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	154.910.567.757	144.977.295.690
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.376.230.895	3.730.846.160
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	21.874.144.911	9.366.592.267
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.342.203.908)	(225.447.480)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		174.022.124.265	180.417.969.276
1. Hàng tồn kho	141	V.7	174.463.550.330	181.323.003.760
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(441.426.065)	(905.034.484)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.944.884.139	5.641.582.740
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.401.533.110	673.314.499
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.542.270.267	4.961.672.152
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	1.080.762	6.596.089
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

U.N.P
TRẢ
KIỂM
TÂN ĐỈNH

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		173.473.415.727	167.549.667.647
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.478.739.140	2.142.162.441
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	2.478.739.140	2.142.162.441
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		89.476.009.598	93.849.909.675
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	85.170.111.296	88.287.158.728
- Nguyên giá	222		166.244.100.812	158.251.923.576
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.073.989.516)	(69.964.764.848)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4.305.898.302	5.562.750.947
- Nguyên giá	228		6.073.853.777	6.970.591.320
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.767.955.475)	(1.407.840.373)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	-	-
- Nguyên giá	231		52.826.363	52.826.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(52.826.363)	(52.826.363)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		54.466.920.795	58.226.360.678
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	54.323.710.795	54.358.546.678
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	66.710.000	3.729.814.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	76.500.000	138.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		27.051.746.194	13.331.234.853
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	19.727.743.076	5.387.305.273
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	1.187.359.258	1.047.896.151
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.13	6.136.643.860	6.896.033.429
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		617.395.446.267	617.042.592.528

3044
ÔN
NHIE
OÁN
&
-T.P

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		377.591.693.908	366.719.393.787
I. Nợ ngắn hạn	310		377.218.348.991	366.620.393.787
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	130.527.338.039	129.648.717.988
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	313.596.509	351.220.959
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	4.750.210.936	1.255.116.322
4. Phải trả người lao động	314	V.17	3.090.652.939	7.648.660.981
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	2.237.561.632	3.710.312.706
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		163.636.364	163.636.364
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a, c	11.013.001.198	1.293.802.947
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	221.179.857.027	219.922.901.249
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	3.942.494.347	2.626.024.271
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		373.344.917	99.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b, c	93.000.000	99.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.22	280.344.917	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

815-C
TY
HỮU HẠ
TƯ VẤN
C
10 CHỖ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		239.803.752.359	250.323.198.741
I. Vốn chủ sở hữu	410		239.753.752.359	250.273.198.741
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	123.144.940.000	123.144.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		123.144.940.000	123.144.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	538.056.160	538.056.160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	8.876.126.506	8.876.126.506
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.23	2.536.822.093	2.536.822.093
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	34.396.516.865	45.119.223.748
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25.447.054.860	45.119.223.748
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		8.949.462.005	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.23	70.261.290.735	70.058.030.234
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		50.000.000	50.000.000
1. Nguồn kinh phí	431	V.24	50.000.000	50.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		617.395.446.267	617.042.592.528

Bến Tre, ngày 18 tháng 3 năm 2019


Nguyễn Thanh Trúc
Người lập

Nguyễn Thế Quốc Uy
Kế toán trưởngVõ Minh Tân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	785.141.711.685	809.643.899.962
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	8.843.760.810	9.530.334.024
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		776.297.950.875	800.113.565.938
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	596.571.304.152	614.223.402.116
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		179.726.646.723	185.890.163.822
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.176.060.516	6.155.198.969
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	19.296.542.532	26.899.951.823
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.210.319.145	11.177.529.770
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	5.621.485.168	6.557.384.920
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	97.734.043.218	94.113.678.542
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	56.602.132.101	60.669.656.029
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.891.474.556	16.919.461.317
12. Thu nhập khác	31	VI.8	8.845.447.455	21.975.952.736
13. Chi phí khác	32	VI.9	735.377.871	4.073.727.503
14. Lợi nhuận khác	40		8.110.069.584	17.902.225.233
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.001.544.140	34.821.686.550
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	4.680.987.222	7.623.379.974
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12, 22	140.881.810	(1.047.896.151)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.179.675.108	28.246.202.727
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		19.664.018.043	28.736.514.984
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.515.657.065	(490.312.257)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a, b	1.517	2.351
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a, b	1.517	2.351

Bến Tre, ngày 18 tháng 3 năm 2019


 Nguyễn Thanh Trúc
 Người lập


 Nguyễn Thế Quốc Uy
 Kế toán trưởng


 Võ Minh Tân
 Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26.001.544.140	34.821.686.550
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, 10, 13	13.750.437.119	11.777.725.371
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 7	1.333.037.769	401.113.162
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	160.016.275	566.947.569
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b; VI.4, 8	(15.848.043.842)	(29.404.460.637)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	13.210.319.145	11.177.529.770
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		38.607.310.606	29.340.541.785
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(23.191.933.772)	14.560.857.914
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.179.563.670	7.526.473.881
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.271.111.848)	5.103.509.166
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.773.221.774)	(2.865.215.372)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	18.000.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.210.319.145)	(11.177.529.770)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(3.485.930.589)	(8.026.043.512)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21, 23a	(792.104.163)	(1.390.216.423)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.937.747.015)	51.072.377.669
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(18.916.727.621)	(9.016.337.513)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		7.874.409.429	14.932.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.953.067.027)	(34.544.040.037)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.250.685.831	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(68.968.910)	(31.805.522.222)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2c, 5a	500.000.000	130.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2b, 5a; VI.4	9.208.498.592	7.175.105.251
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.105.169.706)	(53.128.521.794)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	34.598.290.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	538.384.848.867	572.219.815.413
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(537.127.893.089)	(564.853.041.863)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19a, 23a	(18.425.724.000)	(12.276.390.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(17.168.768.222)	29.688.673.550
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(22.211.684.943)	27.632.529.425
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	68.167.196.191	40.534.666.766
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	45.955.511.248	68.167.196.191

Bến Tre, ngày 18 tháng 3 năm 2019


Nguyễn Thanh Trúc
Người lập biểu

Nguyễn Thế Quốc Uy
Kế toán trưởngVõ Minh Tân
Tổng Giám đốc44
NC
HIỆN
VNI
&
T.P

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua và bán dược phẩm.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- Cấu trúc Tập đoàn**
Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về thay đổi tỷ lệ sở hữu

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, Tập đoàn đã mua thêm 71.350 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái, tăng tỷ lệ vốn góp tại công ty con này lên 53,53% từ thời điểm trên.

5b. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dược phẩm OC ⁽¹⁾	436B/76 đường 3 tháng 2, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh dược phẩm	0%	100%	0%	51%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	725 đường Yên Ninh, phường Minh Tân, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái.	Sản xuất kinh doanh dược phẩm	53,53%	51,85%	53,53%	51,85%
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	26 Hàn Thuyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.	Sản xuất kinh doanh hóa dược, dược phẩm, dược liệu	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%

⁽¹⁾ Trong năm Công ty tiến hành các thủ tục để giải thể Công ty Cổ phần Dược phẩm OC theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 13 tháng 8 năm 2018.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

315-C
TY
HỮU HẠN
TƯ VẤN
C
ĐỒ CHỮ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5c. Danh sách công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Tập đoàn đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha có trụ sở chính tại 334 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh dược phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại công ty liên kết này là 23,14% (số đầu năm là 23,14%).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 564 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 595 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Các khoản đầu tư vào công ty liên kết****Công ty liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

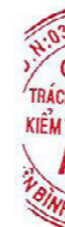
- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất trả trước tại văn phòng Bến Tre, chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa, cải tạo kho và văn phòng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất tại Bến Tre mà Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (340 tháng).

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chi phí sửa chữa, cải tạo kho và văn phòng**

Chi phí sửa chữa tài sản, cải tạo kho và văn phòng tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng tại TP. Nha Trang và tỉnh Yên Bái được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 35 năm đến 50 năm, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, từ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá trị hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá trị hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá trị khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá trị khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá trị hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá trị hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

N.Đ.
 TRÁC
 KIỂM
 BÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Vốn chủ sở hữu****Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/ như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bắt đầu sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

30/01/2019
 ÔI
 NH
 OAI
 -T.

498;
 GT
 M HƯ
 VÀ TL
 C
 HỒC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**25. Công cụ tài chính****Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.094.109.653	4.262.806.469
Tiền gửi ngân hàng	21.827.252.640	43.162.478.021
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) ⁽ⁱ⁾	21.034.148.955	20.741.911.701
Cộng	45.955.511.248	68.167.196.191

⁽ⁱ⁾ Trong đó, khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng (lãi nhập vốn) với số tiền là 34.148.955 VND (số đầu năm là 6.532.000.000 VND) đã được dùng để bảo đảm cho các hợp đồng cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng và các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.20).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	37.180.771.233	37.180.771.233	37.416.890.037	37.416.890.037
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	22.180.771.233	22.180.771.233	22.416.890.037	22.416.890.037
Trái phiếu ⁽ⁱⁱ⁾	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Dài hạn	76.500.000	76.500.000	138.000.000	138.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	76.500.000	76.500.000	138.000.000	138.000.000
Cộng	37.257.271.233	37.257.271.233	37.554.890.037	37.554.890.037

⁽ⁱ⁾ Trong đó, các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng với số tiền là 2.257.271.233 VND (số đầu năm là 2.339.971.861 VND) đã được cầm cố để bảo đảm cho các việc cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản đầu tư 1.500 trái phiếu với mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Số lượng trái phiếu này đã được cầm cố để bảo đảm cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.20).

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc	48.108.225.000	48.108.225.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	6.215.485.795	6.250.321.678
Cộng	54.323.710.795	54.358.546.678

Tập đoàn nắm giữ 4.226.950 cổ phiếu, tương đương 23,14% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	54.358.546.678	69.804.123.817
Phần lãi hoặc lỗ trong năm	5.621.485.168	6.557.384.920
Cổ tức được chia trong năm	(5.495.035.000)	(2.958.539.525)
Các khoản khác	(161.286.051)	1.629.085.466
Chuyển thành Công ty con	-	(20.673.508.000)
Số cuối năm	54.323.710.795	54.358.546.678

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha bắt đầu đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ đầu năm 2016 và đang hoạt động kinh doanh bình thường.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa	30.917.186	1.407.960.662
Bán hàng hóa	455.097.816	1.244.490.452

Khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Tập đoàn đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.20).

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh	66.710.000	-	260.550.000	66.710.000	-	540.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Long An ⁽ⁱ⁾	-	-	-	3.663.104.000	-	-
Cộng	66.710.000	-	-	3.729.814.000	-	-

⁽ⁱ⁾ Trong năm Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ 228.944 cổ phần của Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Long An với giá chuyển nhượng là 19.656 VND/cổ phần.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	225.089.994	396.973.378
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	225.089.994	396.973.378
Phải thu các khách hàng khác	154.685.477.763	144.580.322.312
Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre	9.121.445.642	10.878.347.979
Ông Phí Văn Gùng ⁽ⁱ⁾	3.300.000.000	6.300.000.000
Công ty TNHH Nhật Trường Vinh ⁽ⁱ⁾	-	4.250.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng ⁽ⁱⁱ⁾	7.000.000.000	-
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái	5.009.433.589	2.860.607.734
Các khách hàng khác	130.254.598.532	120.291.366.599
Cộng	154.910.567.757	144.977.295.690

⁽ⁱ⁾ Các khoản phải thu liên quan đến hoạt động chuyển nhượng kho tại Khu công nghiệp Tân Tạo - TP. Hồ Chí Minh và nhà văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

1:0300
CỔ
RÁCH NI
IỂM TOÁ
A
BÌNH - 1

149
V
G
I
M
H
V
P
V

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(ii) Trong đó, khoản phải thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng liên quan đến hoạt động chuyển nhượng nhà văn phòng tại Chi nhánh Hà Nội tại thời điểm cuối năm là 6.909.090.909 VND

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng là bộ phận của quyền tài sản luân chuyển phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre với giá trị tối thiểu là 70 tỷ VND (xem thuyết minh số V.20).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Xây dựng Khang Phạm	-	2.571.289.788
Tổng công ty Cổ phần May Việt Tiến	314.586.855	-
Công ty Cổ phần Thương mại V.F.B	1.235.346.000	-
Ông Nguyễn Việt Hùng	850.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	976.298.040	1.159.556.372
Cộng	3.376.230.895	3.730.846.160

Trong đó, khoản trả trước cho người bán liên quan mua sắm tài sản cố định tại thời điểm cuối năm là 0 VND (số đầu năm là 2.892.049.788 VND).

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	830.045.352	-	707.660.036	-
Thành viên Ban điều hành - tạm ứng	42.000.000	-	100.000.000	-
Thành viên Ban điều hành - thuế thu nhập cá nhân chi hộ	312.678.352	-	482.071.245	-
Thành viên Hội đồng quản trị - thuế thu nhập cá nhân chi hộ	475.367.000	-	125.588.791	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	21.044.099.559	-	8.658.932.231	-
Tạm ứng	5.396.793.356	-	1.659.322.622	-
Tiền lãi ngân hàng dự thu	203.934.246	-	165.163.470	-
Tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng ⁽ⁱ⁾	10.086.388.170	-	5.643.249.638	-
Ông Lê Cộng Hòa - phải thu về chuyển nhượng cổ phần ⁽ⁱⁱ⁾	2.700.095.280	-	-	-
Ông Lê Anh Tuấn - phải thu về chuyển nhượng cổ phần ⁽ⁱⁱ⁾	1.300.027.984	-	-	-
Các khoản chi hộ - thuế thu nhập cá nhân	1.298.720.672	-	997.872.838	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	67.002.163	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	58.139.851	-	126.321.500	-
Cộng	21.874.144.911	-	9.366.592.267	-

(i) Khoản ký quỹ này đã được cầm cố để bảo đảm cho các việc cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(ii) Khoản phải thu liên quan đến chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Long An.

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đặt cọc thuê mặt bằng	1.199.679.262	-	-	-
Tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng ⁽ⁱ⁾	940.838.878	-	1.803.941.441	-
Tiền góp vốn vào Quỹ bảo lãnh tín dụng tỉnh Yên Bái	100.000.000	-	100.000.000	-
Ký quỹ bồi thường giải phóng mặt bằng	238.221.000	-	238.221.000	-
Cộng	2.478.739.140	-	2.142.162.441	-

(i) Khoản ký quỹ này đã được cầm cố để bảo đảm cho các việc cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre.

6. Nợ quá hạn

Tập đoàn có các khoản nợ phải thu khách hàng quá hạn thanh toán. Chi tiết như sau:

Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dưới 6 tháng	35.512.162.227	35.488.639.718	44.987.586.618	44.987.586.618
Từ 6 tháng đến 1 năm	2.754.555.948	2.754.555.948	2.226.067.651	2.226.067.651
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	5.702.656.421	5.263.851.202	1.578.977.036	1.578.977.036
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	829.759.958	829.759.958	1.140.198.530	1.140.198.530
Trên 3 năm	1.115.656.677	235.780.497	225.447.480	-
Cộng	45.914.791.231	44.572.587.323	50.158.277.315	49.932.879.835

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	225.447.480	260.967.881
Trích lập dự phòng bổ sung	1.116.756.428	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(35.520.401)
Số cuối năm	1.342.203.908	225.447.480

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	13.578.860.666	-	20.953.353.027	-
Nguyên liệu, vật liệu	10.439.835.744	-	11.712.178.437	-
Công cụ, dụng cụ	37.158.613	-	23.953.369	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.614.152.113	-	1.590.816.765	-
Thành phẩm	3.303.337.843	-	5.100.247.829	-
Hàng hóa ⁽ⁱ⁾	145.490.205.351	(441.426.065)	141.942.454.333	(905.034.484)
Cộng	174.463.550.330	(441.426.065)	181.323.003.760	(905.034.484)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

⁽ⁱ⁾ Trong đó, giá trị nguyên vật liệu, hàng hóa tồn kho (thuộc các loại) gần hết hạn sử dụng khó tiêu thụ tại ngày kết thúc năm tài chính là 932.517.942 VND (số đầu năm là 1.187.483.136 VND).

Toàn bộ hàng hóa tồn kho là dược phẩm các loại luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị tối thiểu là 150 tỷ VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.20).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	905.034.484	1.165.168.480
Trích lập dự phòng bổ sung	216.281.341	436.633.563
Xuất hủy trong năm	(679.889.760)	(696.767.559)
Số cuối năm	441.426.065	905.034.484

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	363.701.518	530.586.251
Chi phí sửa chữa, bảo trì	12.000.000	127.789.148
Chi phí bảo hiểm	101.690.894	14.939.100
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	924.140.698	-
Cộng	1.401.533.110	673.314.499

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước ⁽ⁱ⁾	11.137.826.837	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.216.647.016	1.372.439.609
Chi phí sửa chữa, cải tạo kho và văn phòng tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	6.326.061.734	-
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng tại TP. Nha Trang và tỉnh Yên Bái	798.593.908	4.014.865.664
Chi phí trả trước dài hạn khác	248.613.581	-
Cộng	19.727.743.076	5.387.305.273

⁽ⁱ⁾ Trong đó, quyền sử dụng đất thuê tại thửa số 13, tờ bản đồ số 5, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre có giá trị còn lại theo sổ sách là 4.769.021.195 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.20)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	80.774.326.826	55.922.339.855	13.311.965.917	8.243.290.978	158.251.923.576
Mua trong năm	4.898.050.126	4.740.383.734	840.588.909	-	10.479.022.769
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(1.918.177.000)	(220.416.083)	-	(348.252.450)	(2.486.845.533)
Số cuối năm	83.754.199.952	60.442.307.506	14.152.554.826	7.895.038.528	166.244.100.812

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.917.935.285	7.634.549.146	4.656.758.964	3.406.087.853	19.615.331.248
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	24.310.773.150	32.728.659.611	6.662.671.221	6.262.660.866	69.964.764.848
Khấu hao trong năm	4.279.452.334	6.337.921.770	1.220.923.903	729.294.017	12.567.592.024
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(933.512.793)	(210.711.095)	-	(314.143.468)	(1.458.367.356)
Số cuối năm	27.656.712.691	38.855.870.286	7.883.595.124	6.677.811.415	81.073.989.516
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	56.463.553.676	23.193.680.244	6.649.294.696	1.980.630.112	88.287.158.728
Số cuối năm	56.097.487.261	21.586.437.220	6.268.959.702	1.217.227.113	85.170.111.296

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 9.890.819.215 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.20).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.234.046.000	1.736.545.320	6.970.591.320
Mua trong năm	-	34.320.000	34.320.000
Nhượng bán trong năm	(931.057.543)	-	(931.057.543)
Số cuối năm	4.302.988.457	1.770.865.320	6.073.853.777
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	150.200.000	150.200.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	751.860.769	655.979.604	1.407.840.373
Khấu hao trong năm	93.976.617	329.478.909	423.455.526
Nhượng bán trong năm	(63.340.424)	-	(63.340.424)
Số cuối năm	782.496.962	985.458.513	1.767.955.475

Trong đó:

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.482.185.231	1.080.565.716	5.562.750.947
Số cuối năm	3.520.491.495	785.406.807	4.305.898.302
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ xử lý	-	-	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.20).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Bất động sản đầu tư**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	52.826.363
Số cuối năm	<u>52.826.363</u>
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	52.826.363
Số cuối năm	<u>52.826.363</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	<u>-</u>

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn là giá trị quyền sử dụng đất tại số 19 đường Đồng Khởi, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Ghi nhận vào kết quả kinh doanh</u>	<u>Số cuối năm</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	272.128.976	(272.128.976)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lãi của giao dịch bán hàng nội bộ trong Tập đoàn	775.767.175	411.592.083	1.187.359.258
Cộng	<u>1.047.896.151</u>	<u>139.463.107</u>	<u>1.187.359.258</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho lỗ tính thuế năm 2016 phát sinh tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái với số tiền là 1.339.311.463 VND (số đầu năm là 4.562.695.363 VND).

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng khoản lỗ được chuyển này.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Lợi thế thương mại**

	<u>Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái</u>	<u>Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.284.615.191	4.309.280.504	7.593.895.695
Số cuối năm	<u>3.284.615.191</u>	<u>4.309.280.504</u>	<u>7.593.895.695</u>
Số đã phân bổ			
Số đầu năm	410.576.899	287.285.367	697.862.266
Phân bổ trong năm	328.461.519	430.928.050	759.389.569
Số cuối năm	<u>739.038.418</u>	<u>718.213.417</u>	<u>1.457.251.835</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.874.038.292	4.021.995.137	6.896.033.429
Số cuối năm	<u>2.545.576.773</u>	<u>3.591.067.087</u>	<u>6.136.643.860</u>

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Liên doanh Meyer – BPC	7.716.003.053	3.250.069.893
Chemical Works of Gedeon Richter Ltd.	47.149.882.009	61.096.844.789
Raptakos, Brett Co., Ltd.	3.948.208.740	-
Các nhà cung cấp khác	71.713.244.237	65.301.803.306
Cộng	<u>130.527.338.039</u>	<u>129.648.717.988</u>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Dược An Hồng	90.769.003	90.769.003
Công ty Cổ phần Thương mại và Dược phẩm Hưng Việt	-	82.000.000
Công ty TNHH Innovacare Việt Nam	95.592.000	95.592.000
Các khách hàng khác	127.235.506	82.859.956
Cộng	<u>313.596.509</u>	<u>351.220.959</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	507.140.193	-	3.209.984.281	(3.193.514.364)	523.610.110	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.515.327	16.555.061.680	(16.549.546.353)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	24.082.422	(24.082.422)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	383.672.017	1.080.762	4.680.987.222	(3.485.930.589)	1.578.728.650	1.080.762

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

144
ĐANG
HIỆM
ÁN VỊ
&
T.P.V

815-c
TY
HỮU HẠ
TƯ VÀ
C
5CHT

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập cá nhân	364.304.112	-	4.090.620.823	(2.256.332.759)	2.198.592.176	-
Thuế nhà đất	-	-	11.574.354.410	(11.125.074.410)	449.280.000	-
Tiền thuê đất	-	-	663.910.227	(663.910.227)	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	136.025.761	(136.025.761)	-	-
Cộng	1.255.116.322	6.596.089	40.935.026.826	(37.434.416.885)	4.750.210.936	1.080.762

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuốc chữa bệnh, vật tư y tế:	5%
- Dịch vụ và hàng hóa khác:	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh tại từng công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	4.048.397.823	7.404.668.114
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	632.589.399	155.089.502
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	-	63.622.358
Công ty Cổ phần Dược phẩm OC	-	-
Cộng	4.680.987.222	7.623.379.974

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất và thuế nhà đất

Tiền thuê đất và thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo	2.063.486.222	3.079.694.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	174.075.410	630.617.828
Cộng	2.237.561.632	3.710.312.706

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Phải trả khác****19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	5.258.848.000	-
Thành viên Ban điều hành - cổ tức phải trả	87.163.200	-
Thành viên Hội đồng quản trị - cổ tức phải trả	1.760.765.600	-
Các cá nhân có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị - cổ tức phải trả	3.410.919.200	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	5.754.153.198	1.293.802.947
Tài sản thừa chờ giải quyết	43.325.176	43.325.179
Kinh phí công đoàn	98.355.845	133.587.781
Bảo hiểm xã hội	128.640.137	126.054.897
Cổ tức phải trả	4.969.071.550	330.307.350
Phải trả tiền giải phóng mặt bằng	238.221.000	238.221.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	276.539.490	422.306.740
Cộng	11.013.001.198	1.293.802.947

19b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre ⁽ⁱ⁾	215.865.420.390	209.521.763.079
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái	-	3.202.701.533
Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	5.314.436.637	7.198.436.637
Cộng	221.179.857.027	219.922.901.249

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh được phẩm với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay không quá 7 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn như sau:

- Cầm cố một số khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu tại ngân hàng này (xem các thuyết minh số V.1 và V.2a);
- Thế chấp cổ phiếu của các khoản đầu tư dài hạn (xem thuyết minh số V.2b);
- Thế chấp quyền thu nợ đối với các khoản phải thu khách hàng (xem thuyết minh số V.3);
- Cầm cố toàn bộ hàng hóa tồn kho là được phẩm các loại luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh (xem thuyết minh số V.7);
- Thế chấp một số nhà xưởng, máy móc, thiết bị, quyền sử dụng đất thuê và toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc tài sản cố định vô hình (xem các thuyết minh số V.8b, V.9 và V.10).

⁽ⁱⁱ⁾ Vay không có tài sản đảm bảo cán bộ nhân viên và các cá nhân khác để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh được phẩm với lãi suất ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	212.724.464.612	537.769.848.867	(534.628.893.089)	215.865.420.390
Vay ngắn hạn các cá nhân	7.198.436.637	615.000.000	(2.499.000.000)	5.314.436.637
Cộng	219.922.901.249	538.384.848.867	(537.127.893.089)	221.179.857.027

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

Số đầu năm	2.626.024.271
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.876.874.239
Chi quỹ	(560.404.163)
Số cuối năm	3.942.494.347

22. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chi phí cải tạo, sửa chữa kho và văn phòng tại Chi nhánh Hồ Chí Minh. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	280.344.917
Số cuối năm	280.344.917

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thiết bị Ngân hàng Tiên Phong	-	61.380.000.000
Bà Đậu Thị Thúy Mai	23.482.660.000	-
Bà Lê Thị Trúc Linh	19.153.830.000	9.134.890.000
Ông Lê Văn Minh	10.250.000.000	250.000.000
Ông Phạm Thứ Triệu	7.577.070.000	400.000.000
Các tổ chức và cá nhân khác	62.681.380.000	51.980.050.000
Cộng	123.144.940.000	123.144.940.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.314.494	12.314.494
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.314.494	12.314.494
- Cổ phiếu phổ thông	12.314.494	12.314.494
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.314.494	12.314.494
- Cổ phiếu phổ thông	12.314.494	12.314.494
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/18/NQ-DHCD ngày 21 tháng 4 năm 2018 như sau:

	VND
• Chia cổ tức năm 2017 cho các cổ đông bằng tiền	18.471.741.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.520.304.507

Ngoài ra, Tập đoàn cũng tạm phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	VND
• Tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2018 cho các cổ đông bằng tiền theo Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ngày 31 tháng 10 năm 2018 theo tỷ lệ 8% mệnh giá cổ phần	9.851.595.200
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi tại các Công ty con	356.569.732
• Chi thù lao Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	231.700.000

24. Nguồn kinh phí

Kinh phí lập từ thuốc dự phòng.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**25a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng hợp tác kinh doanh không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.338.128.875	-
Trên 1 năm đến 5 năm	9.226.569.605	-
Trên 5 năm	9.120.000.000	-
Cộng	20.684.698.480	-

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên bao gồm:

- Các khoản thanh toán tiền hợp tác kinh doanh ở trên bao gồm tổng số tiền thuê văn phòng và kho tại quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh. Hợp đồng hợp tác kinh doanh được ký với thời hạn 10 năm và có thể được gia hạn thêm.

:449
NG
HIỆM
ÁN VỊ
&
T.P.T

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại tầng 8, tòa nhà Văn phòng Viwaseen, đường Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội với giá thuê là 58.128.875 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 36 tháng tính từ ngày 19 tháng 10 năm 2018.

25b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	960,28	73.960,28
Euro (EUR)	201,77	201,77

25c. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu Ông Huỳnh Lê Duy Việt – Kế toán trưởng Chi nhánh Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre với số tiền là 5.283.260.500 VND đã được xóa sổ do đương sự đang thụ án, không có khả năng trả nợ.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	728.182.621.012	763.894.159.148
Doanh thu bán thành phẩm	56.362.304.484	45.168.832.875
Doanh thu cung cấp dịch vụ	105.877.099	89.998.849
Doanh thu cho thuê mặt bằng	490.909.090	490.909.090
Cộng	785.141.711.685	809.643.899.962

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b. Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	6.662.413.998	6.752.783.055
Hàng bán bị trả lại	2.070.731.516	2.594.066.856
Giảm giá hàng bán	110.615.296	183.484.113
Cộng	8.843.760.810	9.530.334.024

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	565.874.976.841	590.391.846.058
Giá vốn của thành phẩm đã bán	27.788.664.777	17.286.743.481
Giá trị hàng tồn kho bị hư hỏng, hết hạn, xuất hủy	222.207.955	2.580.291.566
Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn	2.469.173.238	3.527.887.448
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	216.281.341	436.633.563
Cộng	596.571.304.152	614.223.402.116

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.540.234.368	1.516.917.196
Cổ tức, lợi nhuận được chia	27.000.000	307.273.000
Lãi trái phiếu ngân hàng	1.185.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	948.178.451	1.249.543.628
Chiết khấu thanh toán	632.453.433	514.420.185
Lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh	-	587.539.000
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	837.019.264	1.970.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.175.000	9.505.960
Cộng	6.176.060.516	6.155.198.969

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	13.210.319.145	11.177.529.770
Lãi hợp tác kinh doanh phải trả	-	262.730.137
Phí trả nợ trước hạn	-	187.974.482
Chiết khấu thanh toán cho người mua	820.397.880	520.253.185
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.974.809.232	9.869.666.347
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	160.016.275	566.947.569
Lỗ từ hoạt động mua lại công ty con	-	4.273.348.000
Chi phí tài chính khác	131.000.000	41.502.333
Cộng	19.296.542.532	26.899.951.823

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	62.682.346.332	59.331.739.041
Chi phí vật liệu, bao bì	299.792.769	246.784.866
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.161.065.983	2.609.636.333
Chi phí khuyến mãi	11.239.943.440	12.215.037.248
Các chi phí khác	21.350.894.694	19.710.481.054
Cộng	97.734.043.218	94.113.678.542

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	32.510.438.101	37.266.372.388
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	509.764.855	640.636.286
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.635.940.834	1.518.004.957
Thuế, phí và lệ phí	640.680.183	476.403.551
Dự phòng phải thu khó đòi	1.116.756.428	(35.520.401)
Lợi thế thương mại phân bổ	759.389.569	615.746.886
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.495.550.223	11.668.770.911
Các chi phí khác	6.933.611.908	8.519.241.451
Cộng	56.602.132.101	60.669.656.029

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

315-C
TY
HỮU HẠ
TU VẤN
C
ĐCHV

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	5.637.305.042	18.465.346.521
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	4.000.000	100.259.496
Hàng khuyến mãi	1.679.349.299	290.481.868
Chênh lệch thừa kiểm kê	10.622.108	9.823.867
Thu từ thuê nhà, thuê kho, nhân công và bảo vệ	226.363.646	132.825.081
Các khoản nợ không còn phải trả	66.914.507	213.974.145
Nhận tài trợ từ nhà cung cấp	605.000.000	280.000.000
Thu nhập khác	615.892.853	2.483.241.758
Cộng	8.845.447.455	21.975.952.736

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hợp đồng	28.040.518	99.726.027
Thuế bị phạt, bị truy thu	673.025.551	36.112.543
Chi phí khác	34.311.802	3.937.888.933
Cộng	735.377.871	4.073.727.503

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	19.664.018.043	28.736.514.984
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	(983.200.902)	(1.436.825.749)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	18.680.817.141	27.299.689.235
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	12.314.494	11.613.072
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.517	2.351

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.209.841.522	34.300.457.668
Chi phí nhân công	108.156.036.525	105.374.262.261
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.750.437.119	11.777.725.371
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.907.288.891	26.806.086.572
Chi phí khác	38.349.673.908	28.349.659.591
Cộng	216.373.277.965	206.608.191.463

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản cho thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	523.636.364	490.909.091
Trên 1 năm đến 5 năm	720.000.000	1.243.636.364
Cộng	1.243.636.364	1.734.545.455

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Tạm ứng thù lao	1.500.000.000	2.000.000.000
Cổ tức được chia	2.485.640.600	482.150.000
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tạm ứng	413.000.000	-
Vay	-	510.000.000
Lãi vay phải trả	-	165.925.000
Cổ tức được chia	199.031.700	76.414.000

Các thành viên có quan hệ mật thiết với thành viên chủ chốt

Cổ tức được chia	4.781.152.700	913.489.000
------------------	---------------	-------------

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5a và V.19a.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.956.982.273	2.022.133.119
Phụ cấp	1.793.000.000	1.278.000.000
Tiền thưởng	1.594.750.000	4.486.931.697
Cộng	6.344.732.273	7.787.064.816

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (là Công ty liên kết).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn không phát sinh giao dịch nào khác với các bên liên quan khác.

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm trong một khu vực địa lý là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tất cả sản phẩm do Tập đoàn sản xuất và thu mua đều được bán sỉ và bán lẻ cho các bệnh viện, trung tâm y tế, các tổ chức và cá nhân khác thông qua phòng kinh doanh, hệ thống chi nhánh, cửa hàng kinh doanh của Tập đoàn.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.955.511.248	-	-	45.955.511.248
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	37.257.271.233	-	-	37.257.271.233
Phải thu khách hàng	108.995.776.526	44.572.587.323	1.342.203.908	154.910.567.757
Các khoản phải thu khác	16.769.184.820	-	-	16.769.184.820
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	66.710.000	-	-	66.710.000
Cộng	209.044.453.827	44.572.587.323	1.342.203.908	254.959.245.058

Số đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	68.167.196.191	-	-	68.167.196.191
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	37.554.890.037	-	-	37.554.890.037
Phải thu khách hàng	94.819.018.375	49.932.829.835	225.447.480	144.977.295.690
Các khoản phải thu khác	8.076.897.049	-	-	8.076.897.049
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.729.814.000	-	-	3.729.814.000
Cộng	212.347.815.652	49.932.829.835	225.447.480	262.506.092.967

Chi tiết thời gian quá hạn của phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quá hạn dưới 6 tháng	35.488.639.718	44.987.586.618
Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	2.754.555.948	2.226.067.651
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	5.263.851.202	1.578.977.036
Quá hạn trên 2 năm đến 3 năm	829.759.958	1.140.198.530
Quá hạn trên 3 năm	235.780.497	-
Cộng	44.572.587.323	49.932.829.835

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

144
Đ
NH
ÁN V.
&
T.P

915-C
TY
TƯ V
C
5CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả người bán	130.527.338.039	-	130.527.338.039
Vay và nợ	221.179.857.027	-	221.179.857.027
Các khoản phải trả khác	12.907.414.316	93.000.000	13.000.414.316
Cộng	364.614.609.382	93.000.000	364.707.609.382
Số đầu năm			
Phải trả người bán	129.648.717.988	-	129.648.717.988
Vay và nợ	219.922.901.249	-	219.922.901.249
Các khoản phải trả khác	4.658.631.292	99.000.000	4.757.631.292
Cộng	354.230.250.529	99.000.000	354.329.250.529

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu dược phẩm phục vụ cho hoạt động kinh doanh với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	960,28	201,77	73.960,28	201,77
Phải trả người bán	(169.888,50)	(1.760.835,12)	(446.875,92)	(2.237.160,19)
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(168.928,22)	(1.760.633,35)	(372.915,64)	(2.236.958,42)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

4d. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	34.148.955	6.532.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng	2.180.771.233	2.201.971.861
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	76.500.000	138.000.000
Trái phiếu có kỳ hạn 10 năm	15.000.000.000	15.000.000.000
Tiền ký quỹ tại ngân hàng và các tổ chức khác	11.027.227.048	7.447.191.079
Khoản phải thu khách hàng	137.159.883.328	127.820.738.477
Cộng	165.478.530.564	159.139.901.417

Tập đoàn thế chấp các tài sản tài chính này để bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre và bảo lãnh thực hiện hợp đồng do các chi nhánh của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành chứng thư bảo lãnh.

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản cầm cố, thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.955.511.248	-	68.167.196.191	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	37.257.271.233	-	37.554.890.037	-
Phải thu khách hàng	154.910.567.757	(1.342.203.908)	144.977.295.690	(225.447.480)
Các khoản phải thu khác	16.769.184.820	-	8.076.897.049	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	66.710.000	-	3.729.814.000	-
Cộng	254.959.245.058	(1.342.203.908)	262.506.092.967	(225.447.480)

Nợ phải trả tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	130.527.338.039	129.648.717.988
Vay	221.179.857.027	219.922.901.249
Các khoản phải trả khác	13.000.414.316	4.757.631.292
Cộng	364.707.609.382	354.329.250.529

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyễn Thanh Trúc
Người lập

Nguyễn Thế Quốc Uy
Kế toán trưởng

Võ Minh Tân
Tổng Giám đốc

Bến Tre, ngày 18 tháng 3 năm 2019

H.0300449813
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ
VẤN
A & C
BẾN TRE - T. PHỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND	
	Số đầu năm nay	Số cuối năm nay
Số dư đầu năm trước	76.998.080.000	76.998.080.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm nay	11.548.570.000	11.548.570.000
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền trong năm trước	34.598.290.000	34.598.290.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-
Chia cổ tức bằng tiền trong năm trước	-	-
Chỉ khác trong năm trước	-	-
Các khoản điều chỉnh do hợp nhất trong năm trước	-	-
Số dư cuối năm trước	123.144.940.000	123.144.940.000
Số dư đầu năm nay	123.144.940.000	123.144.940.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-
Chia cổ tức trong năm nay	-	-
Chỉ thù lao Hội đồng quản trị trong năm nay	-	-
Điều chỉnh khác	-	-
Số dư cuối năm nay	123.144.940.000	123.144.940.000

	Đơn vị tính: VND	
	Số đầu năm nay	Số cuối năm nay
Vốn góp của chủ sở hữu	76.998.080.000	76.998.080.000
Thặng dư vốn cổ phần	538.056.160	538.056.160
Quỹ đầu tư phát triển	8.876.126.506	8.876.126.506
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.536.822.093	2.536.822.093
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	39.675.030.805	39.675.030.805
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	30.590.123.920	30.590.123.920
Cộng	159.214.239.484	159.214.239.484

Bến Tre, ngày 18 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Thế Quốc Uy
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Trúc
Người lập

Võ Minh Tân
Tổng Giám đốc



Bến Tre, ngày 19 tháng 04 năm 2019

CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH *ph*



PHẠM THỨ TRIỆU